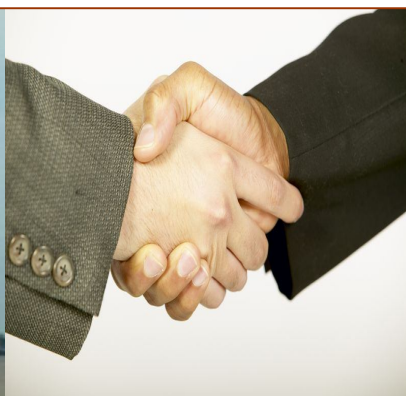
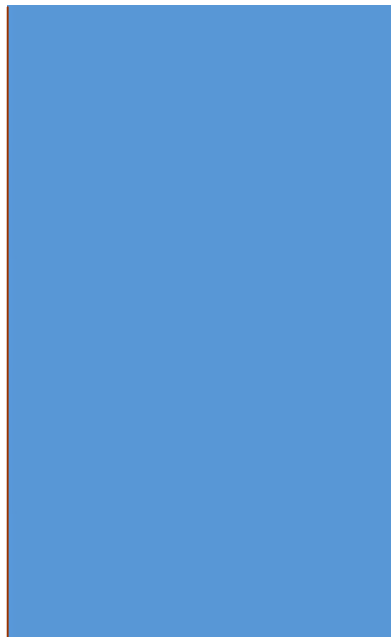


CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU *Vietfracht*



TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG

2010

www.vietfracht.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU - VIETFRACHT



2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TÔN CHỈ HOẠT ĐỘNG

“Chúng tôi luôn nỗ lực để trở thành một công ty hàng hải đổi mới không ngừng, hoạt động trên nhiều lĩnh vực. Công ty luôn hướng tới sự sáng tạo trong hoạt động phát triển kinh doanh, hoạt động chuyên nghiệp theo những thông lệ quốc tế tốt nhất và hiện đại nhất, tăng trưởng lợi ích cho cổ đông, làm khách hàng hài lòng, đem lại cho mỗi thành viên của mình điều kiện phát triển tốt nhất tài năng, môi trường làm việc năng động và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần.”



MỤC LỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	3
CÁC MỐC LỊCH SỬ QUAN TRỌNG	5
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	8
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	13
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	24
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO KIỂM TOÁN	26
<i>Báo cáo của Ban giám đốc</i>	<i>27</i>
<i>Báo cáo của kiểm toán viên</i>	<i>29</i>
<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	<i>30</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>32</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	<i>33</i>
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	<i>34</i>
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	52
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	55
CÁC THÀNH VIÊN TRONG HĐQT VÀ BKS	55
CỔ ĐÔNG / CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN	62
CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN	63

THÔNG DIỆP

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi các Quý cổ đông,

Năm 2009 tình hình vận tải biển thế giới nói chung và vận tải biển Việt Nam nói riêng vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn của thị trường giá cước thấp và sự bất ổn của giá nhiên liệu. Bên cạnh những khó khăn trên Vietfracht chúng ta còn phải chịu những áp lực của việc trả nợ vay, trả lãi ngân hàng và đặc biệt là chênh lệch tỷ giá đồng Đô la Mỹ với đồng Việt Nam. Tuy nhiên với sự cố gắng, nỗ lực, năng động của Ban lãnh đạo và người lao động, chúng ta đã vượt qua được những thử thách và thực hiện vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2009.

Khó khăn vẫn còn ở phía trước, khi tất cả các dự báo cùng chung nhận định là trong năm 2010 kinh tế toàn cầu vẫn chưa có bước đột phá, khủng hoảng kinh tế vẫn còn đó. Các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển trong đó có công ty chúng ta đã, đang và chắc chắn sẽ tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn mới.

Tuy nhiên trong cái khó của cuộc khủng hoảng này lại phát sinh những cơ hội mà chúng ta cần phải tận dụng. Đó chính là thời điểm rất thuận lợi cho việc đầu tư phương tiện vận tải và cơ sở hạ tầng với giá thành hợp lý phục vụ cho sự phát triển ổn định, lâu dài và bền vững. Để có vốn đầu tư, HĐQT sẽ chỉ đạo rà soát và cơ cấu lại nguồn vốn, tài sản hiện có của công ty trên nguyên tắc có lợi nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn tới tất cả các Quý cổ đông đã quan tâm, đồng cảm, ủng hộ Công ty trong suốt thời gian vừa qua và mong muốn tiếp tục nhận được sự chia sẻ với những khó khăn sắp tới và tiếp tục ủng hộ HĐQT, Ban điều hành để cùng vượt qua giai đoạn khó khăn này...

Xin trân trọng cảm ơn.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Trần Văn Quý

LĨNH VỰC KINH DOANH

**VẬN TẢI HÀNG HÓA
BẰNG ĐƯỜNG BIỂN**



**THUÊ TÀU, CHO THUÊ TÀU
VÀ MÔI GIỚI THUÊ TÀU**



**GIAO NHẬN VẬN TẢI
ĐƯỜNG BIỂN, HÀNG KHÔNG
VÀ ĐƯỜNG BỘ**



ĐẠI LÝ TÀU BIỂN



**KINH DOANH
KHO BÃI CONTAINER**



ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

THÀNH TỰU



**HUÂN CHƯƠNG
ĐỘC LẬP**



**ĐƠN VỊ ANH HÙNG
LAO ĐỘNG**



**CÚP VÀNG
DOANH NGHIỆP**

CÁC MỐC LỊCH SỬ QUAN TRỌNG



1963

- “Tổng công ty Vận tải Ngoại thương – Vietfracht” được thành lập theo Quyết định số 103/BNGT/TCCB ngày 18/02/1963 của Bộ Ngoại thương.

1984

- Chuyển từ Bộ Ngoại thương về trực thuộc Bộ Giao thông vận tải và đổi tên thành “Tổng công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải - Vietfracht” theo QĐ của Chủ tịch HĐBT (nay là Thủ tướng Chính phủ).

1991

- Được đổi tên thành “Tổng công ty Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht”

2003

- Được Chính phủ lựa chọn là 01 trong 21 doanh nghiệp nhà nước thí điểm chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Được thành lập Công ty mẹ : Công ty Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

2005

- Thực hiện cổ phần hoá toàn bộ Công ty.

2006

- Công ty Vận tải và Thuê tàu hoàn thành việc cổ phần hoá và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

2006

- Chưa đầy 03 tháng sau khi hoàn thành việc cổ phần hoá, Vietfracht đã đăng ký niêm yết và được chấp nhận giao dịch tại TTGDCK Hà Nội (nay là Sở GDCK Hà Nội) với mã chứng khoán: **VFR**
-

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- ◆ Công ty xây dựng chiến lược phân đấu trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam về vận tải và dịch vụ vận tải.
- ◆ Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, xây dựng môi trường văn hoá doanh nghiệp trong sạch, lành mạnh để thúc đẩy người lao động thực sự hăng say với nghề và không ngừng nâng cao năng suất lao động.
- ◆ Không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi ích của các cổ đông.
- ◆ Lấy phát triển đội tàu, dịch vụ giao nhận, tiếp vận, đầu tư phát triển kinh doanh kho bãi, đầu tư khai thác bất động sản và cho thuê văn phòng làm hoạt động chủ yếu.
- ◆ Tăng cường công tác đối ngoại, củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tạo uy tín, xây dựng hình ảnh, thương hiệu Vietfracht ngày càng lớn mạnh và có độ tin cậy cao đối với khách hàng.

TỔNG QUAN KINH TẾ NĂM 2009 VÀ NHẬN ĐỊNH CHO 2010

1. Kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới năm 2009 tiếp tục trải qua nhiều biến động do hậu quả tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ khơi nguồn cho cuộc suy thoái kinh tế trên diện rộng ở quy mô toàn cầu gây nên tình trạng sản xuất đình đốn, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, nhiều ngân hàng lớn trên thế giới bị phá sản, giá vàng tăng, đồng USD mất giá,...

Các chuyên gia kinh tế cho rằng điểm đáy của khủng hoảng đã qua và nền kinh tế thế giới đã có sự phục hồi đi lên do các nước đồng loạt thực hiện bơm những khoản tiền khổng lồ vào hệ thống ngân hàng thương mại nhằm ứng cứu nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng,...; Theo nhận định chung, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, bất ổn định nhưng bức tranh kinh tế năm 2010 sẽ sáng hơn năm 2009 (GDP toàn cầu theo dự báo của IMF tăng 3,1% so với mức giảm 1,1% trong năm 2009, thương mại thế giới tăng 2,7% so với mức giảm hơn 11% năm 2009).

Một số khó khăn vẫn đè nặng lên các doanh nghiệp vận tải do đơn hàng giảm và các hợp đồng thuê tàu đứng trước sức ép điều chỉnh giá xuống. Một số nguồn tin cho hay, tại quốc đảo Singapore - một trong những cảng biển sầm uất nhất thế giới - số tàu dừng đỗ tại cảng vì không có đơn hàng có thời điểm lên tới hơn 700 tàu.

2. Tình hình kinh tế Việt Nam và ngành vận tải biển:

Kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng khá mạnh từ nền kinh tế thế giới, song năm 2009 kinh tế Việt Nam vẫn đạt được kết quả khả quan do có các biện pháp ứng phó của chính sách vĩ mô, GDP tăng 5,3%, lạm phát từ 32,6% năm 2008 giảm xuống 7% năm 2009, tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp đạt cao hơn năm trước. Tuy nhiên đang có những thách thức kìm hãm sự phục hồi như: đầu tư của các doanh nghiệp giảm mạnh (trừ đầu tư của Chính phủ), nguồn vốn khan hiếm do Chính phủ thắt chặt tín dụng, lãi suất tăng cao, tỷ giá ngoại tệ biến động mạnh, các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật phục hồi chậm, tâm lý của giới đầu tư vẫn bất an, cộng với những yếu kém vốn có của các doanh nghiệp Việt Nam.

Ngành vận tải biển thế giới nói chung và vận tải biển Việt Nam nói riêng chịu ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề của khủng hoảng kinh tế thế giới. Chỉ số BDI đã qua thời kỳ giảm đáy hồi quý I/2009, nhưng vẫn bấp bênh ở mức thấp, giá dầu thế giới vẫn cao, thị trường hàng hoá vận chuyển vẫn xấu: Lượng hàng giảm, giá cước thấp, đồng thời lại có sự cạnh tranh quyết liệt giữa các hãng tàu, các công ty dịch vụ trong nước cũng như ngoài nước về hàng hoá, về dịch vụ, về thuyền viên, ... Tình hình trên làm cho một số công ty vận tải biển nước ngoài bị phá sản hoặc co hẹp dịch vụ lại, nhiều công ty vận tải biển trong nước gặp khó khăn, làm ăn thua lỗ, không có tiền trả lương cho người lao động, không có khả năng trả nợ vay đến hạn, không trích khấu hao hoặc có trích nhưng với mức rất thấp, không trích đúng dự phòng chênh lệch tỷ giá cho các khoản tiền vay ...

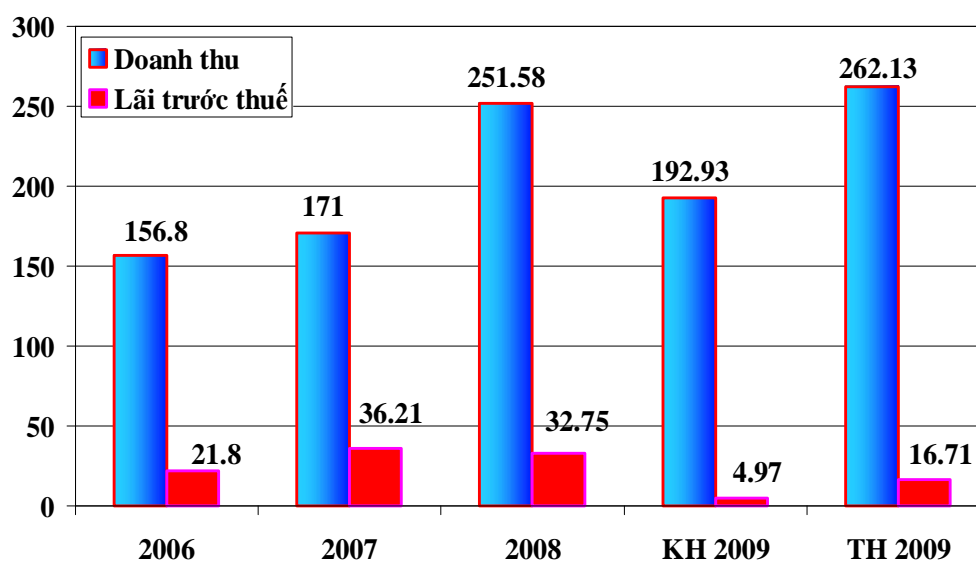
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2009

Năm 2009 tình hình vận tải biển thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn của thị trường giá cước thấp và sự bất ổn định của giá nhiên liệu. Bên cạnh những khó khăn trên, Công ty Vietfracht chúng ta còn phải chịu áp lực của việc trả nợ vay, trả lãi ngân hàng và đặc biệt là bù chênh lệch tỷ giá đồng Đô la Mỹ với đồng Việt Nam. Mảng dịch vụ Đại lý giao nhận Vận tải của Công ty cũng bị ảnh hưởng nặng nề do một số đối tác bị phá sản (hãng tàu EP-Singapore bị phá sản tháng 1/2009; Hãng tàu Bright Shipping của Hàn quốc bị phá sản tháng 10/2009); hoặc bị mua lại (tháng 3/2009 CNC bị CMA –CGM mua); hoặc tạm ngưng hoạt động tại thị trường Việt Nam (Hãng tàu PDZ của Malaysia). Tuy nhiên với sự cố gắng, nỗ lực, năng động của Ban lãnh đạo và người lao động, chúng ta đã vượt qua được những thử thách và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch tài chính đề ra cho năm 2009.

KẾT QUẢ KINH DOANH CÁC NĂM SAU KHI CPH

(TỶ ĐỒNG)



Năm 2009 là năm thứ 4 liên tiếp kể từ khi Cổ phần hóa Công ty có mức tăng trưởng cao về doanh thu, đạt 262,113 tỷ đồng, tăng 104,18% so với năm 2008. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận từ năm 2008 có chậm lại (năm 2008 tăng 147.51% so với năm 2007), thậm chí có giảm so với các năm trước do chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế như đã phân tích ở trên.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

SO SÁNH KẾT QUẢ KINH DOANH THỰC HIỆN VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2009

CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2009

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2008	Kế hoạch 2009	Thực hiện 2009	So sánh TH/KH	So sánh TH 2009/2008
Tổng doanh thu	Tr đ	251.577	192.928	262.113	135,86%	104,18%
Tổng chi phí	Tr đ	218.822	187.962	245.400	130,56%	112,14%
Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	32.755	4.966	16.713	336,55%	51,02%
Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	24.528	4.087	14.283	349,47%	58,23%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ	%	16,35	2,72	9,52	350%	58,22%

Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức của cuộc khủng hoảng kinh tế, Năm 2009, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh rất tốt so với kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu đạt 262.113 triệu đồng, vượt kế hoạch 135,86%. Trong đó, bao gồm doanh thu từ hoạt động của đội tàu đạt 82.715 triệu đồng, đạt 99,31% so với kế hoạch; doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính đạt 143.265 triệu đồng, đạt 142,99% so với kế hoạch; doanh thu từ kinh doanh tài chính và các khoản doanh thu khác đạt 36.134 triệu đồng.

Lợi nhuận trước thuế 16.713 triệu đồng, tăng 336,55% so với kế hoạch nhưng chỉ bằng 51,02% so với lợi nhuận trước thuế năm 2008.

Lợi nhuận sau thuế 14.283 triệu đồng tăng 349,47% so với kế hoạch nhưng chỉ bằng 58,23% so với lợi nhuận năm 2008. Năm 2009 là năm Công ty không còn được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nên lợi nhuận sau thuế cũng thấp hơn năm 2008.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2009

Công tác chỉ đạo SXKD trong năm 2009

Trong năm 2009 Hội đồng Quản trị đã tiến hành 5 cuộc họp HĐQT (trong đó có 02 cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản) . Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/4/2009 , các cuộc họp Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo triển khai các vấn đề chính sau :

1. Tham gia ý kiến và thông qua các báo cáo hoạt động SXKD hàng quý và phương hướng hoạt động quý tới của Tổng Giám đốc .
2. Giao Chủ tịch HĐQT thành lập tiểu ban nhân sự để tiến hành giới thiệu nhân sự và trình ĐHĐCĐ thông qua việc bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc Công ty.
3. Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty CP Tân Cảng – Cái Mép trên nguyên tắc bảo toàn vốn.
4. Giao TGD xây dựng và triển khai phương án bán một phần cổ phiếu của Công ty tại Công ty CP dịch vụ hàng hóa Nội Bài.
5. Giao Ban điều hành xây dựng phương án đầu tư thêm tàu vận tải biển phù hợp.
6. Giao Ban điều hành xây dựng phương án tổng thể về mô hình tổ chức SXKD toàn Công ty trong đó có việc xem xét chuyển Chi nhánh VF Hải phòng thành Công ty TNHH một thành viên.
7. Phê chuẩn tờ trình của Chủ tịch HĐQT v/v đề nghị bổ nhiệm ông Ngô Xuân Hồng, Ủy viên HĐQT, Phó TGD làm Tổng giám đốc công ty .



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Thống nhất thành lập thường trực HĐQT, thành phần gồm:

- ✧ Ông Trần Văn Quý, Chủ tịch HĐQT chuyên trách
- ✧ Ông Nguyễn Quang Thoại, Phó Chủ tịch HĐQT, Phó TGD
- ✧ Ông Ngô Xuân Hồng, Ủy viên HĐQT, TGD

9. Thống nhất tổ chức lấy ý kiến toàn thể cổ đông của Công ty bằng văn bản phê chuẩn quyết định của HĐQT v/v bổ nhiệm ông Ngô Xuân Hồng, Phó TGD Công ty giữ chức danh Tổng Giám Đốc và là người Đại diện theo pháp luật của Công ty.

10. Phê chuẩn tờ trình của TGD việc tăng vốn Điều lệ của Vietfracht Đà Nẵng từ 5 tỷ đồng lên 8 tỷ đồng và thay đổi tỷ lệ nắm giữ vốn của Vietfracht tại Vietfracht Đà Nẵng từ 76,28% xuống còn 53,44%.

11. Thống nhất chủ trương tham gia đấu giá quyền thu phí giao thông tại Trạm thu phí Nam Phú đồng, Quốc lộ 1 A.

12. Thông qua các báo cáo trình ĐHĐCĐ 2010:

- ✧ Báo cáo hoạt động của HĐQT
- ✧ Báo cáo của TGD về kết quả SXKD năm 2009 và kế hoạch hoạt động năm 2010.
- ✧ Dự thảo phương án phân phối lợi nhuận và phương án trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2009 trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
- ✧ Phương án lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2010 trình ĐHĐCĐ.

13. Thông qua dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty trình ĐHĐCĐ thông qua.

14. Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009.

Tại các phiên họp HĐQT đánh giá cao sự cố gắng nỗ lực trong SXKD của Ban Tổng Giám đốc điều hành và người lao động trong công ty.

Nhìn chung trong năm 2009, HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế hoạt động của công ty, cho ý kiến chỉ đạo và phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc tìm các biện pháp để thực hiện vượt mức kế hoạch tài chính 2009 và các Nghị quyết mà ĐHĐCĐ đã đề ra.

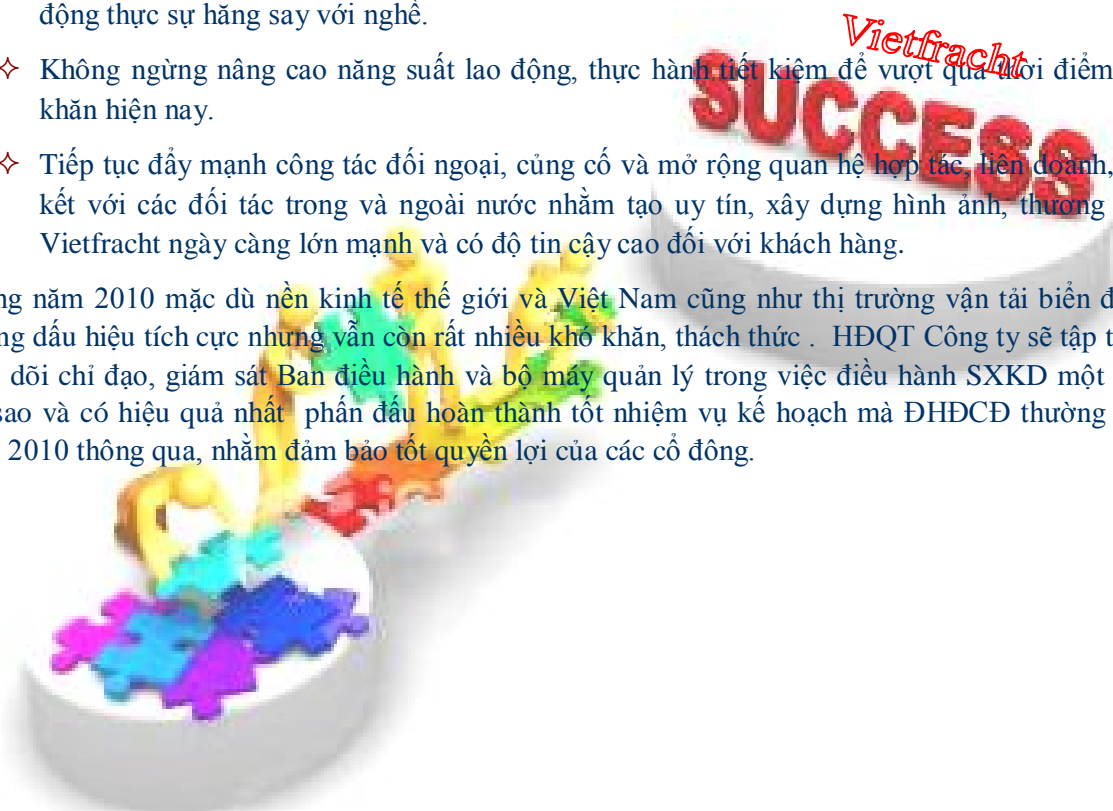
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2010

Triển khai thực hiện các nội dung của nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2010, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo một số công việc trọng tâm sau đây:

- ✧ Phân đầu hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch tài chính 2010 :
 - Doanh thu : 264,310 Triệu VNĐ
 - Lợi nhuận trước thuế : 26,900 Triệu VNĐ
- ✧ Xây dựng định hướng chiến lược phát triển dài hạn của công ty trong tình hình mới ;
- ✧ Nghiên cứu và áp dụng mô hình tổ chức phù hợp nhằm phát huy cao nhất tính chủ động , động lực làm việc của các đơn vị thành viên và người lao động trong công ty;
- ✧ Tìm mọi biện pháp giảm lỗ đội tàu : tăng cường tìm hàng vận chuyển có hiệu quả cao, tăng ngày doanh vận, thực hiện tiết kiệm và giảm tối đa chi phí khai thác và chi phí sửa chữa tàu.
- ✧ Nghiên cứu và thực hiện việc tái cơ cấu vốn để đáp ứng các yêu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của công ty trên nguyên tắc hiệu quả .
- ✧ Tăng cường công tác tiếp thị . Nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ giao nhận, tiếp vận .
- ✧ Công tác đầu tư: Tận dụng cơ hội trong khủng hoảng, tiếp tục nghiên cứu tìm nguồn vốn để đầu tư phát triển phương tiện vận tải và cơ sở hạ tầng với giá thành hợp lý phục vụ hoạt động SXKD của Công ty nếu có cơ hội và hiệu quả .
- ✧ Xây dựng môi trường văn hoá doanh nghiệp trong sạch, lành mạnh để thúc đẩy người lao động thực sự hăng say với nghề.
- ✧ Không ngừng nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm để vượt qua mọi điểm khó khăn hiện nay.
- ✧ Tiếp tục đẩy mạnh công tác đối ngoại, củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước nhằm tạo uy tín, xây dựng hình ảnh, thương hiệu Vietfracht ngày càng lớn mạnh và có độ tin cậy cao đối với khách hàng.

Trong năm 2010 mặc dù nền kinh tế thế giới và Việt Nam cũng như thị trường vận tải biển đã có những dấu hiệu tích cực nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức . HĐQT Công ty sẽ tập trung theo dõi chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và bộ máy quản lý trong việc điều hành SXKD một cách sát sao và có hiệu quả nhất phân đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên năm 2010 thông qua, nhằm đảm bảo tốt quyền lợi của các cổ đông.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

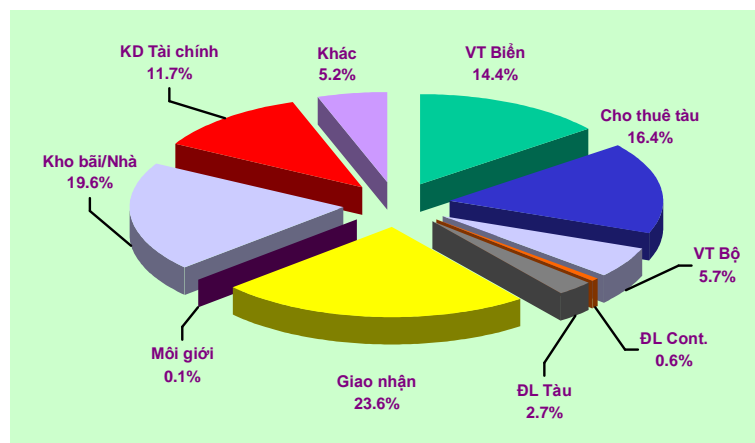
I. TÌNH HÌNH SXKD CỦA VIETFRACHT NĂM 2009

Là một doanh nghiệp chuyên cung cấp các dịch vụ vận tải biển, dịch vụ vận tải nên Vietfracht cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của khủng hoảng kinh tế, đặc biệt mảng kinh doanh đội tàu vận tải biển bị lỗ nặng; Nhưng với sự nỗ lực cố gắng của tập thể cán bộ CNV toàn Công ty và sự đa dạng trong hoạt động kinh doanh, một số mảng kinh doanh dịch vụ của Vietfracht đạt hiệu quả khá, đã bù đắp lại thua lỗ trong kinh doanh đội tàu vì vậy mà Vietfracht vẫn đứng vững và kinh doanh có hiệu quả hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2009 mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao. Tuy vậy, cũng phải nhìn vào thực tế là tất cả các mảng kinh doanh của Công ty đều bị sụt giảm mạnh so với năm 2008, cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2008	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009
1	Vốn điều lệ	Tr đ	150,000	150,000	150,000
	Cổ phần nhà nước	Tr đ	76,532	76,532	76,532
	Cổ đông khác	Tr đ	73,468	73,468	73,468
2	Tổng doanh thu	Tr đ	251,577	192,928	262,113
	<i>Đội tàu</i>	<i>Tr đ</i>	<i>88,597</i>	<i>83,286</i>	<i>82,715</i>
	<i>Kinh doanh khác</i>	<i>Tr đ</i>	<i>162,980</i>	<i>109,642</i>	<i>179,398</i>
	- SXKD chính	<i>Tr đ</i>	<i>135,520</i>	<i>100,188</i>	<i>143,265</i>
	- Kinh doanh tài chính	<i>Tr đ</i>	<i>26,973</i>	<i>9,454</i>	<i>30,738</i>
	- Thu nhập khác	<i>Tr đ</i>	<i>487</i>	<i>0</i>	<i>5,396</i>
3	Tổng chi phí	Tr đ	218,822	187,962	245,400
	<i>Đội tàu</i>		<i>92,368</i>	<i>92,890</i>	<i>99,891</i>
	- Chi phí kinh doanh		<i>81,737</i>	<i>81,649</i>	<i>88,119</i>
	- Chi phí tiền lương		<i>10,631</i>	<i>11,241</i>	<i>11,772</i>
	<i>Kinh doanh khác</i>		<i>126,454</i>	<i>95,072</i>	<i>145,510</i>
	- Chi phí kinh doanh	<i>Tr đ</i>	<i>98,635</i>	<i>82,680</i>	<i>119,859</i>
	- Chi phí tiền lương theo đơn giá ĐHĐCĐ	<i>Tr đ</i>	<i>27,819</i>	<i>12,392</i>	<i>16,935</i>
	- CP tiền lương tăng thêm do hoàn thành vượt kế hoạch (54% LN chưa bao gồm CP tiền lương)		<i>0</i>		<i>8,715</i>
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	32,755	4,966	16,713
	<i>Đội tàu</i>		<i>-3,771</i>	<i>-9,604</i>	<i>-17,176</i>
	<i>Trong đó LN chưa có chi phí tiền lương</i>		<i>6,860</i>	<i>1,637</i>	<i>-5,404</i>
	<i>Kinh doanh khác</i>		<i>36,526</i>	<i>14,570</i>	<i>33,888</i>
	<i>Trong đó LN chưa có chi phí tiền lương</i>	<i>Tr đ</i>	<i>64,345</i>	<i>26,962</i>	<i>59,539</i>
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr đ	8,227	879	2,430
	- Thuế TNDN phải nộp	<i>Tr đ</i>	<i>1,527</i>	<i>879</i>	<i>2,430</i>
	- Thuế TNDN được miễn giảm	<i>Tr đ</i>	<i>6,700</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	24,528	4,087	14,282
7	Tỷ suất LN sau thuế/vốn điều lệ	%	16.35	2.72	9.52

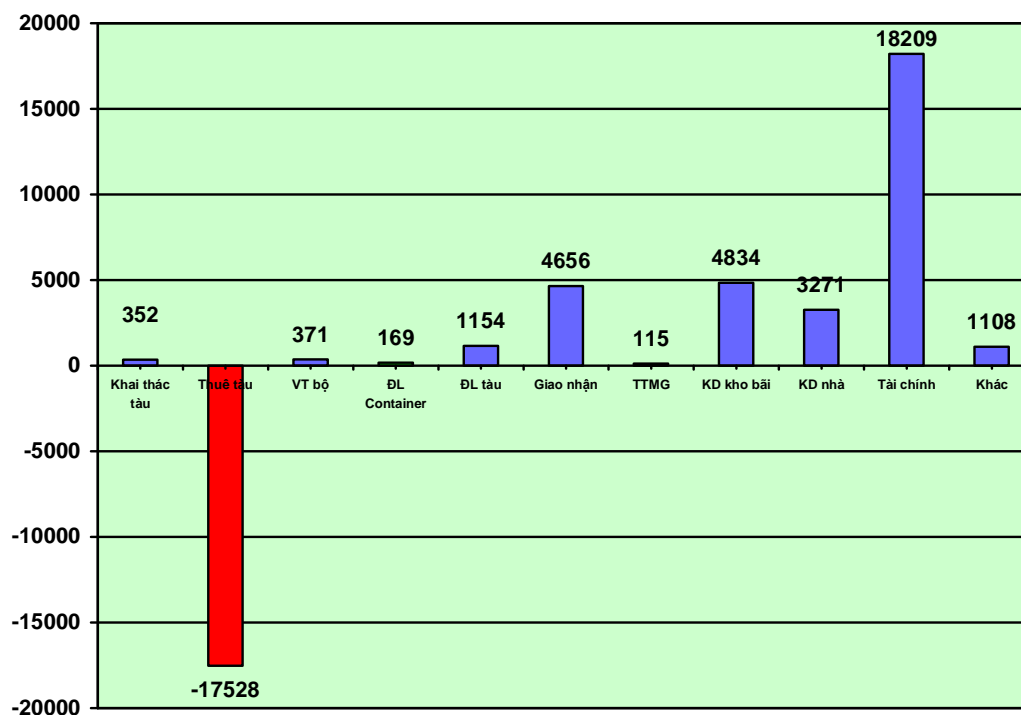
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Doanh thu các nghiệp vụ kinh doanh (%):



Lợi nhuận từ các nghiệp vụ kinh doanh

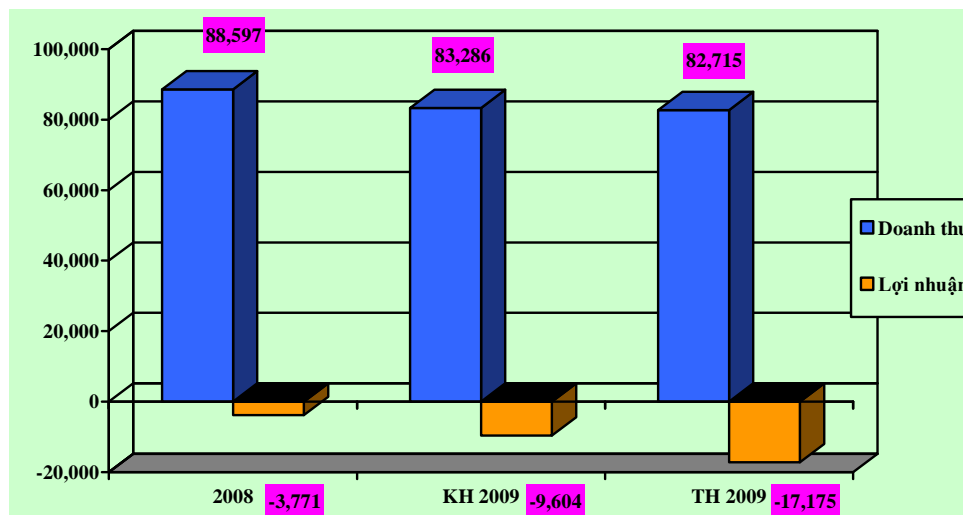
(Đơn vị tính: triệu đồng)



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

II. PHÂN TÍCH CHI TIẾT TỪNG NGHIỆP VỤ KINH DOANH ĐỂ ĐƯA RA NHỮNG QUYẾT SÁCH

1. Kinh doanh Đội tàu vận tải biển:



Đây là mảng kinh doanh chủ lực và nghề truyền thống của Công ty, nhưng thực trạng mảng này đang là một gam màu tối: số lượng tàu hạn chế chỉ có 3 chiếc, chi phí duy trì hoạt động khai thác cao, năng lực khai thác còn bất cập, vấn đề thuyền viên luôn bị động và nổi cộm, trong khi đó giá cước vận chuyển và giá cho thuê tàu thấp nên thu không đủ chi; Do vậy tuy chiếm tỷ trọng đầu tư lớn nhất Công ty, nhưng kết quả đội tàu năm 2009 bị lỗ khoảng 17,17 tỷ đồng, (trong đó lỗ do chênh lệch tỷ giá cho khoản ngoại tệ vay đầu tư kinh doanh đội tàu, khoảng 9,23 tỷ đồng).

Có thể nói mảng kinh doanh vận tải biển của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp và nặng nề nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, đồng thời nó cũng cho thấy những khiếm khuyết nhất định trong kế hoạch phát triển, quản lý và khai thác đội tàu của chúng ta. Để khắc phục những tồn tại nêu trên, không thể khắc phục trong thời gian ngắn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Như đã đề cập, khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã làm cho ngành vận tải biển suy giảm và thua lỗ trầm trọng. Năm 2009 một số hãng tàu do Công ty làm đại lý bị thua lỗ, có hãng phá sản và có hãng thì phải cho tàu neo không kinh doanh hoặc hoạt động cầm chừng. Do đó lượng tàu và lượng hàng hoá do Công ty làm đại lý giảm nên doanh thu và lợi nhuận năm 2009 giảm hơn năm 2008. Đối với nghiệp vụ kinh doanh này Công ty cần chú trọng duy trì chất lượng, giữ khách hàng, chờ khi các hãng tàu hoạt động tốt trở lại.

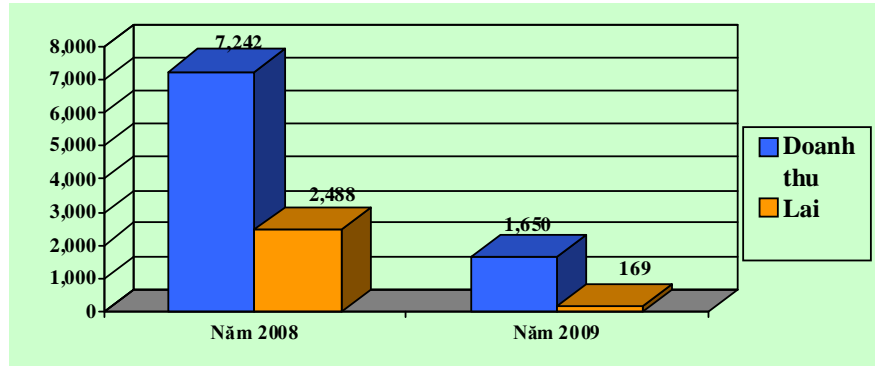
Nghiệp vụ kinh doanh kho bãi và vận tải bộ là nghiệp vụ duy nhất có mức tăng trưởng so với năm 2008 cả về doanh thu và lợi nhuận, trong đó Vietfracht Hải phòng là đơn vị đầu tàu với sự nỗ lực cao đã hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao. Nhưng do cơ sở vật chất còn chưa đầy đủ như: diện tích kho bãi tại Hải phòng vẫn nhỏ hơn mức yêu cầu, tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh Công ty không có kho bãi, phải thuê ngoài 100% nên thiếu chủ động và hạn chế chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh doanh nên cũng chưa phát huy hết được tính tích cực của loại hình kinh doanh này.

Kết quả kinh doanh: DT đạt 68,41 tỷ đồng, LN (trước thuế, chưa lương): 15,47 tỷ đồng.

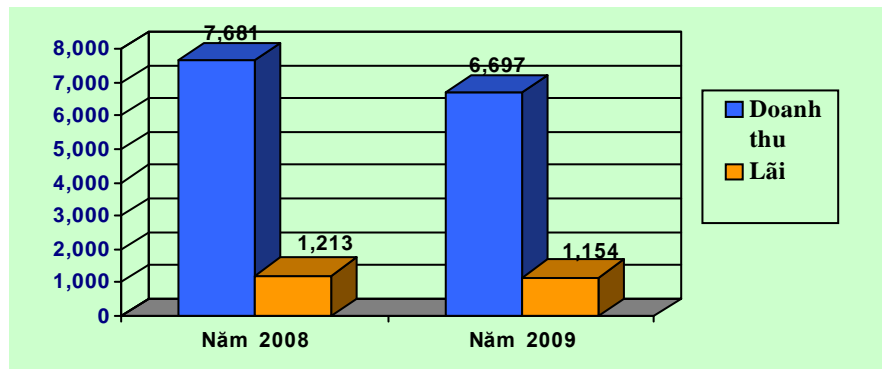
2. Kinh doanh dịch vụ vận tải

(bao gồm: đại lý, kho bãi, vận tải bộ):

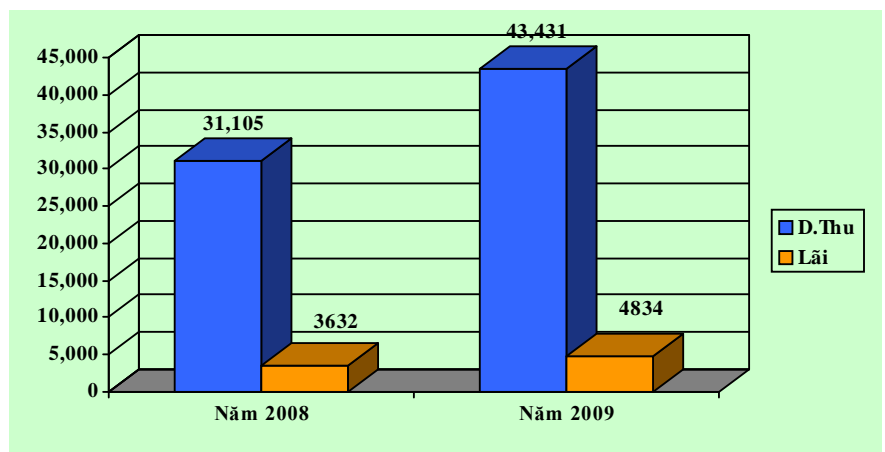
Kết quả sản xuất kinh doanh nghiệp vụ Đại lý tàu container



Kết quả sản xuất kinh doanh nghiệp vụ Đại lý tàu chuyến



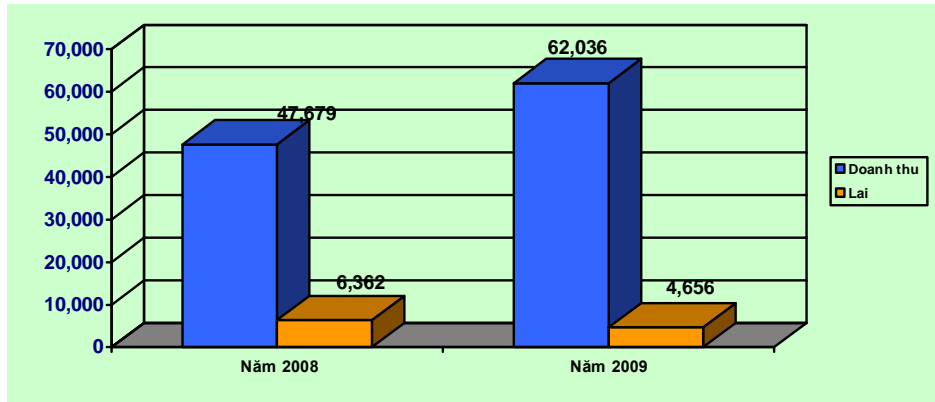
Kết quả sản xuất kinh doanh nghiệp vụ Kho bãi



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3. Nghiệp vụ kinh doanh Giao nhận vận tải:

Kết quả sản xuất kinh doanh nghiệp vụ Giao nhận vận tải

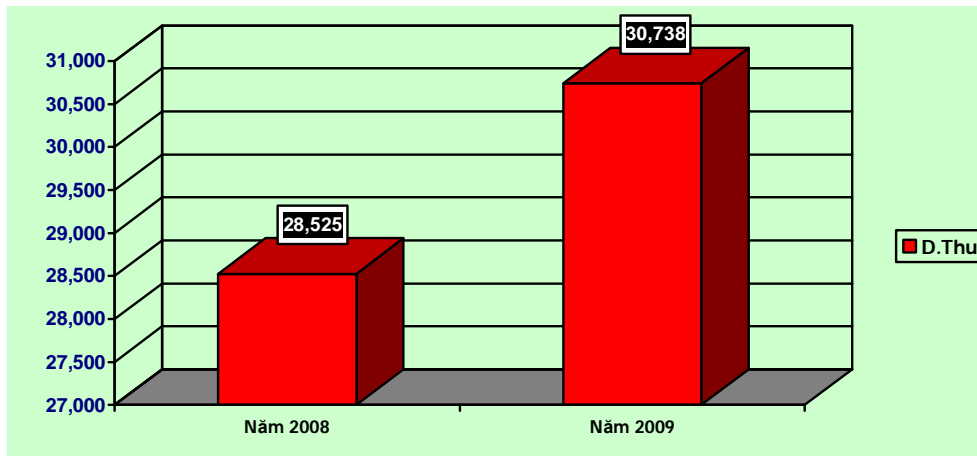


Đây là một trong các nghiệp vụ kinh doanh chính của Vietfracht và cũng chịu ảnh hưởng tương đối lớn của cuộc khủng hoảng, đồng thời luôn phải chịu sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường, nhiều khách hàng đồng loạt yêu cầu giảm giá dịch vụ, hoặc kéo dài thời gian thanh toán,... Do vậy, mặc dù doanh thu khá nhưng chi phí cũng lớn, dẫn tới mức lợi nhuận không cao; Cụ thể: *Doanh thu đạt khoảng 62,011 tỷ đồng, Lợi nhuận (Trước thuế & chưa có chi phí lương): 10,85 tỷ đồng.*

4. Các nghiệp vụ kinh doanh khác:

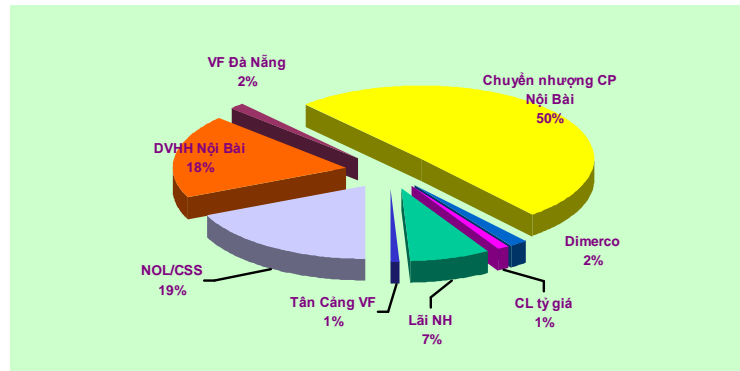
Hai nghiệp vụ kinh doanh khác rất quan trọng của Công ty là khai thác khối bất động sản của Công ty và đầu tư tài chính vào các DN khác (các công ty liên doanh liên kết). Đây là hai nghiệp vụ kinh doanh cũng chịu ảnh hưởng của khủng hoảng, và lợi nhuận đều bị giảm một phần so với năm trước. Trong năm Công ty đã thực hiện bán bớt cổ phần tại Cty CP DVHH Nội Bài vừa thu lại một phần vốn gốc, vừa thu được khoản lãi khá cao, chính khoản này đã góp phần quan trọng vào kết quả tài chính chung của Công ty, bù đắp một phần thua lỗ từ mảng kinh doanh đội tàu.

Tổng Doanh thu tài chính (đơn vị tính: triệu đồng)

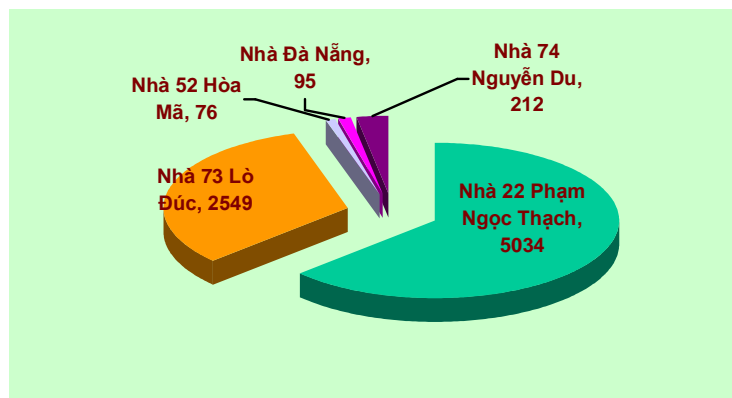


BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Lợi nhuận từ nghiệp vụ đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác (đơn vị tính: triệu đồng)



Doanh thu nghiệp vụ cho thuê văn phòng (đơn vị tính: triệu đồng)



LN (trước thuế & chưa có chi phí lương) từ hoạt động cho thuê VP: 5,51 tỷ đồng.

LN (trước thuế & chưa có chi phí lương) của mảng đầu tư tài chính khoảng 30,54 tỷ đồng (trong đó khoảng 12,7 tỷ đồng là cổ tức được chia, 15,46 tỷ đồng là lãi trước thuế từ việc bán đấu giá cổ phần tại Cty CP DVHH Nội Bài và lãi từ hoạt động kinh doanh tài chính khác).

Những tồn tại & khó khăn:

a- Nghiệp vụ cho thuê văn phòng: Một số khách thuê đòi giảm giá thuê văn phòng; có khó khăn trong việc chuyển đổi hồ sơ pháp lý của một số BĐS cho phù hợp với hình thức công ty cổ phần. Nếu đầu tư xây mới hoặc mở rộng quy mô BĐS đều đòi hỏi số vốn rất lớn.

b- Nghiệp vụ đầu tư vào DN khác: Đang có xu hướng đầu tư dàn trải; một vài DN đã được đầu tư khá lớn nhưng khó có khả năng đem lại lợi nhuận cao trong thời gian gần, khả năng bị “chôn vốn” (như Vietfracht Hưng Yên, Công ty Kho bãi Cái Lân); một số DN khác bị giảm mạnh hiệu quả kinh doanh do gặp khủng hoảng như LD CSS tại Singapore; có thể có DN có nguy cơ mất toàn bộ vốn điều lệ (như CTLĐ Unithai)...



PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2010

Dự báo năm 2010: Theo dự báo, kinh tế Việt Nam năm 2010 sẽ tăng trưởng hơn 2009, nhưng không phải đã hết khó khăn thách thức và ẩn chứa nhiều rủi ro, bất ổn (Giá cả leo thang, lạm phát, tỷ giá, ...). Sự đi lên của nền kinh tế Việt Nam thời gian tới sẽ phụ thuộc nhiều vào điều hành vĩ mô của Chính phủ và sự khôn ngoan năng động của các doanh nghiệp. *Đây chính là dự báo làm cơ sở để Vietfracht định hướng kế hoạch của mình trong năm 2010.*

Nhận diện lại Công ty: “Biết người – biết ta”, hiểu rõ mình và tình thế, sẽ là cơ sở giúp cho doanh nghiệp tìm ra hướng đi thích hợp, vượt qua thử thách đi đến thành công. Tình hình thực tại của Vietfracht có thể đánh giá ở một số điểm chính sau:

*** Điểm mạnh:**

- Là doanh nghiệp có truyền thống về hàng hải, thương hiệu Vietfracht có tiếng trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Xây dựng được hệ thống mạng lưới hoạt động và cơ sở vật chất ở một số thành phố cảng chính của Việt Nam, đồng thời có sẵn mối quan hệ hợp tác với nhiều hãng tàu, công ty giao nhận và các bạn hàng trong nước và quốc tế.

- Công ty đã cổ phần hoá nên chủ động trong hoạt động SXKD, đầu tư và huy động vốn các cổ đông, ...

*** Điểm yếu:**

- Cơ cấu bộ máy còn bất cập, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính thiếu linh hoạt. Mặc dù Công ty có đội ngũ cán bộ tương đối khá, đáp ứng yêu cầu công việc, tuy nhiên lực lượng lao động chất lượng cao chưa nhiều, năng lực cán bộ, nhân viên không đồng đều, còn hạn chế mặt này mặt khác, tinh thần làm việc có lúc, có nơi chưa thực sự năng động, ...

- Quy mô nhỏ, năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh chưa mạnh. Thực chất Công ty chưa có sản phẩm mũi nhọn, việc kinh doanh đội tàu biển được lựa chọn là nghề truyền thống, xương sống của Công ty nhưng chiếm tỉ trọng rất nhỏ (*ta chỉ có 3*

chiếc với 24.742 DWT) so với đội tàu trong nước (*Thống kê của Cục Hàng hải: đến ngày 31/12/2009 cả nước có 1.445 tàu biển, trọng tải lên tới 5.579.523 DWT*);

*** Cơ hội:**

- Đây là thời điểm tốt để củng cố về cơ cấu tổ chức, trên kinh nghiệm sẵn có, phát huy hiệu quả các mảng dịch vụ đã, đang mang lại lợi nhuận cho Công ty trong ngắn hạn cũng như dài hạn, đồng thời nhằm từng bước chiếm lĩnh thị trường, củng cố và tăng cường sự tin tưởng của các đối tác/khách hàng đối với VF, ...

- Tận dụng khủng hoảng kinh tế, tìm cơ hội đầu tư - kinh doanh, có thể thâm nhập sang lĩnh vực mới phù hợp với nhu cầu thị trường.

*** Thách thức:**

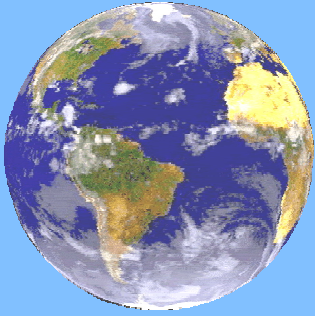
- **Tổng quan:** Tránh để mai một thương hiệu Vietfracht, nếu ta không tiến lên sẽ phải chịu tụt hậu so với các doanh nghiệp khác.

- Trước mắt cần:

+ Sắp xếp lại bộ máy tổ chức phù hợp yêu cầu công việc thực tế theo hướng gọn nhẹ và có chất lượng; Phát huy tính chủ động, sáng tạo của mọi người, đồng thời tăng cường sự đoàn kết nhất trí quyết tâm xây dựng Công ty ngày một phát triển vì lợi ích chính đáng của các bên liên quan: *Khách hàng, các cổ đông, người lao động*;

+ Tránh để suy giảm nguồn lực nói chung, nguồn nhân lực có chất lượng nói riêng. Đặc biệt chú ý quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng lực lượng kế cận – kể cả lãnh đạo cấp cao và cán bộ chủ chốt trong toàn hệ thống Công ty. Có chính sách thu hút và giữ chân người tài, gắn bó với Công ty.

+ Tránh nguy cơ để mất thêm thị trường, mất thêm khách hàng. Ngược lại, cần mở rộng và phát triển thị trường, tăng cường hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết với các đối tác chiến lược, bạn hàng lớn có tiềm năng, tăng cường các khâu marketing, chú ý đối nội và đối ngoại, thị trường trong nước và nước ngoài.



Mục tiêu chính năm 2010

- ❖ Duy trì hoạt động SXKD, phân đầu kinh doanh có lãi;
- ❖ Ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động;
- ❖ Cung cố cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực;
- ❖ Đầu tư có trọng tâm, có hiệu quả.
- ❖ Nghiên cứu và phát triển một số ngành nghề kinh doanh mới.

Phương châm hoạt động năm 2010 của Vietfracht

Cần theo hướng an toàn là chính, theo phương châm *Củng cố khâu phòng ngự, chờ thời cơ tấn công*, cụ thể:

- ❖ Kiện toàn cơ cấu bộ máy, chuẩn bị nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo và tuyển dụng lao động chất lượng đáp ứng yêu cầu công việc.
- ❖ Củng cố khâu kỹ thuật công nghệ, nâng cao chất lượng các dịch vụ để phục vụ khách hàng một cách tốt nhất. Tiết kiệm chi phí hoạt động.
- ❖ Chuẩn bị các dự án đầu tư phát triển, đầu tư có trọng điểm vào các lĩnh vực giàu tiềm năng.
- ❖ Tìm đối tác - bạn hàng chiến lược để liên kết, hợp tác.



1. Công tác đầu tư và phát triển:

Nhu cầu đầu tư phát triển mở rộng SXKD nhằm tăng cường năng lực kinh doanh, năng lực cạnh tranh của Công ty hiện nay rất lớn, tuy vậy trong điều kiện hạn hẹp về vốn và tình hình khủng hoảng kinh tế như đề cập ở trên đã hạn chế rất nhiều đến những cơ hội đầu tư của Công ty trong thời gian qua. **Khắc phục tình trạng này đòi hỏi phải có những thay đổi cơ bản về tư duy, về chiến lược phát triển Công ty, tăng cường năng lực tài chính, nhân lực, ... kể cả việc phải chọn lựa và thuê một tổ chức tư vấn xây dựng chiến lược phát triển Công ty 05 năm (2010 – 2015), 10 năm (2010 – 2020).**

Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2010 của Công ty tập trung vào một số điểm chính như sau:

- ◆ Tiếp tục nghiên cứu thị trường, chọn lựa thời cơ đầu tư tăng cường năng lực vận tải theo hướng trẻ hóa và tăng trọng tải bình quân của đội tàu vận tải biển, đảm bảo hiệu quả dự án đầu tư.
- ◆ Thực hiện các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao năng lực kinh doanh các nghiệp vụ dịch vụ giao nhận, kho bãi, bốc xếp, nâng hạ, vận tải bộ (như: xe tải, đầu kéo container, xe nâng container, mạng thông tin, ...).
- ◆ Nắm bắt cơ hội chuẩn bị dự án đầu tư kho bãi, trung tâm phân phối hàng hóa của Công ty tại các khu vực kinh tế trọng điểm lớn của đất nước, như: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ và Hải Phòng. Trong năm 2010, cố gắng tập trung hoàn tất Dự án xin thuê đất của đối tác chiến lược - Công ty Tân Cảng Sài Gòn đầu tư xây dựng 10.000 m² kho tại ICD Tân Cảng Long Bình nhằm tăng năng lực kinh doanh dịch vụ vận tải tại khu vực phía Nam.
- ◆ Phối hợp với đối tác góp vốn thành lập doanh nghiệp mới hoặc theo mô hình hợp tác kinh doanh theo hướng đa dạng hóa

ngành nghề, mở rộng lĩnh vực kinh doanh, đảm bảo có hiệu quả.

- ◆ Nghiên cứu và phát triển ngành nghề/dịch vụ mới khi có điều kiện thích hợp, như: dịch vụ đại lý bán vé máy bay, dịch vụ du lịch lữ hành, dịch vụ thu phí tại các trạm thu phí đường bộ, ...

2. Công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương:

- ◆ Tập trung hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty, trong đó chú trọng xây dựng lại chức năng, nhiệm vụ của các phòng/ban tại Văn phòng Công ty và nghiên cứu mô hình, địa vị pháp lý của các chi nhánh trực thuộc nhằm đảm bảo tính hệ thống, tính toàn ngành, không phân tán năng lực tài chính, tài sản của Vietffracht.
- ◆ Phân cấp, phân quyền rõ ràng nhằm tạo sự linh hoạt, chủ động và tính chịu trách nhiệm cao trong quản lý, điều hành hoạt động SXKD đối với HĐQT, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng các phòng tại Văn phòng Công ty.
- ◆ Xây dựng quy hoạch cán bộ từ cấp phòng/chi nhánh đến cấp Công ty. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và mệnh danh bổ nhiệm đối với những cán bộ trẻ, có năng lực, tâm huyết với Công ty vào những vị trí chủ chốt.
- ◆ Tăng cường công tác tuyển dụng cán bộ trẻ, có năng lực, trong đó có thể tuyển dụng mới những vị trí chủ chốt như trưởng/phó phòng, giám đốc/phó giám đốc các chi nhánh, ...
- ◆ Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, mở lại các lớp “nhập môn” nhằm giáo dục truyền thống Vietffracht và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, ... cho cán bộ CNV.
- ◆ Đảm bảo quỹ tiền lương ổn định nhằm giữ chân cán bộ và có chính sách khuyến khích những đơn vị, cá nhân có kết quả SXKD vượt kế hoạch, đóng góp lớn vào kết quả SXKD của Công ty.

3. Công tác tài chính kế toán:

- ◆ Duy trì truyền thống là đơn vị có hệ thống tài chính kế toán vững vàng, công khai minh bạch. Tuân thủ quy định của Pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước, Điều lệ của Công ty trong việc quản lý thu – chi, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, ...
- ◆ Thực hiện nghiêm túc công tác công bố thông tin đối với công ty niêm yết.
- ◆ Đề nghị ĐHCĐ và HĐQT quan tâm đến việc khẩn trương tăng vốn điều lệ để giảm bớt sức ép thiếu vốn trả vốn, lãi tiền vay mua tàu và đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh hàng ngày, nhu cầu về vốn đầu tư phát triển trong các năm tiếp theo. Quá trình tăng vốn điều lệ cần chú trọng tìm kiếm đối tác chiến lược (bao gồm cả pháp nhân và thể nhân) và quan tâm đến đội ngũ cán bộ CNV, đặc biệt là những cán bộ trẻ, có năng lực và tâm huyết với Công ty.

4. Công tác pháp chế - đối ngoại

- ◆ Tiếp tục làm tốt công tác pháp chế đối với các mảng dịch vụ mà Công ty đang thực hiện. Thường xuyên cập nhật các quy định mới của pháp luật, chủ động nghiên cứu để áp dụng. Chú ý rà soát các hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết để kiến nghị điều chỉnh, sửa đổi kịp thời.
- ◆ Cần tăng cường công tác đối ngoại, chú trọng giao lưu - hợp tác đối với các doanh nghiệp đối tác, bạn hàng chiến lược, kể cả việc tìm kiếm và phát triển đối tác mới ... cả trong và ngoài nước để tìm cơ hội mở rộng sự hợp tác liên kết, cùng phát triển.

5. Công tác vận tải biển:

- ◆ Củng cố bộ máy, cải tiến và đổi mới trong quản lý và khai thác đội tàu để tăng ngày doanh vận, giảm chi phí để giảm/cắt lỗ đội tàu, xây dựng và sử dụng đội ngũ thuyền viên một cách thích hợp để đáp ứng yêu cầu.
- ◆ Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm đối với phương thức tự khai thác tàu VF02, nghiên cứu chuyển đổi từ phương thức cho thuê tàu định hạn sang phương thức đưa tàu về tự khai thác nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, xây dựng lại hệ thống khách hàng, đại lý, ... của Công ty.

- ◆ Tiếp tục rà soát hệ thống định mức tiêu hao nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, ... kịp thời bổ sung, sửa đổi những định mức chưa phù hợp.
- ◆ Nhanh chóng xây dựng đề án phát triển đội tàu vận tải biển.

6. Công tác dịch vụ vận tải (gồm: đại lý, giao nhận vận tải, kho bãi, vận tải bộ):

- ◆ Duy trì mối quan hệ và chất lượng dịch vụ đối với những khách hàng hiện có. Làm việc với các hãng tàu, hãng hàng không để có giá cạnh tranh, thời gian thanh toán hợp lý tạo điều kiện tăng cường marketing, phát triển thêm đối tác/bạn hàng sử dụng các dịch vụ do Công ty cung cấp.
- ◆ Làm tốt công tác kết nối giữa các đơn vị trong cùng hệ thống. Phối hợp với các đơn vị mà Vietfracht có vốn góp, với các đối tác chiến lược như: Tân Cảng, Dimerco, Hankyu,... nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, hỗ trợ nhau cùng phát triển đặc biệt trong lĩnh vực logistic.
- ◆ Cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm chi phí đầu vào, nâng cao khả năng cạnh tranh phục vụ khách hàng tốt nhất, nâng cao uy tín trên thị trường, bảo đảm không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh tại những kho bãi hiện có.
- ◆ Gấp rút xây dựng chiến lược phát triển công tác giao nhận vận tải.

7. Kế hoạch tài chính năm 2010:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009, phương hướng hoạt động và kế hoạch SXKD năm 2010, kế hoạch tài chính của các đơn vị Phòng/Chi nhánh xây dựng.

Đặc biệt là năm 2010 Công ty sẽ không còn những khoản thu mang lại hiệu quả đột biến như thu từ bán cổ phần NCTS, cũng như không còn các khoản cổ tức lớn từ những doanh nghiệp có vốn góp như NCTS (giảm đi một nửa), liên doanh CSS tại S'pore hoạt động kém có hiệu quả trong năm 2009 đồng thời vẫn còn nguyên những khó khăn về lỗ kinh doanh của tàu VF Glory (dự kiến lỗ 22 tỷ đồng), sức ép về trả nợ cộng với lãi vay (khấu hao tàu 15 năm nhưng phải trả nợ vay mua tàu trong 02 năm đối với khoản vay của Ocean Eleven, trong 08 năm đối với khoản vay củaMSB).

Ban điều hành xây dựng kế hoạch tài chính năm 2010 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2009	THỰC HIỆN 2009	KẾ HOẠCH 2010
1	Vốn điều lệ	Tr đ	150,000	150,000	150,000
	Cổ phần nhà nước	Tr đ	76,532	76,532	76,532
	Cổ đông khác	Tr đ	73,468	73,468	73,468
2	Tổng doanh thu	Tr đ	192,928	262,113	264,310
	<i>Đội tàu</i>	<i>Tr đ</i>	<i>83,286</i>	<i>82,715</i>	<i>139,742</i>
	<i>Kinh doanh khác</i>	<i>Tr đ</i>	<i>109,642</i>	<i>179,398</i>	<i>124,568</i>
	- SXKD chính	Tr đ	100,188	145,266	116,640
	- Kinh doanh tài chính	Tr đ	9,454	30,678	7,928
	- Thu nhập khác	Tr đ		3,454	
3	Tổng chi phí	Tr đ	187,962	245,400	237,410
	<i>Đội tàu</i>		<i>92,890</i>	<i>99,891</i>	<i>125,366</i>
	- Chi phí kinh doanh		81,649	87,483	114,116
	- Chi phí tiền lương		11,241	12,407	11,249
	<i>Kinh doanh khác</i>		<i>95,072</i>	<i>145,510</i>	<i>112,044</i>
	- Chi phí kinh doanh	Tr đ	82,680	119,859	91,571
	- Chi phí tiền lương	Tr đ	12,392	25,651	20,473
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	4,966	16,713	26,900
	<i>Đội tàu</i>		<i>-9,604</i>	<i>-17,176</i>	<i>14,377</i>
	<i>Trong đó lợi nhuận chưa có chi phí tiền lương</i>		<i>1,637</i>	<i>-4,769</i>	<i>25,626</i>
	<i>Kinh doanh khác</i>		<i>14,570</i>	<i>33,888</i>	<i>12,524</i>
	<i>Trong đó lợi nhuận chưa có chi phí tiền lương</i>	<i>Tr đ</i>	<i>28,820</i>	<i>59,539</i>	<i>32,997</i>
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr đ	879	2,462	6,725
	- Thuế TNDN phải nộp	Tr đ	879	2,462	6,725
	- Thuế TNDN được miễn giảm	Tr đ			
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	4,087	14,251	20,175
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	2.72	9.50	13.45
7	Trích lập các quỹ	Tr đ	559	5.282	4,977
	- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	Tr đ	150	236	198
	- Quỹ dự phòng tài chính	Tr đ	409	1.428	1,127
	- Quỹ đầu tư phát triển	Tr đ		2.124	
	- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ			714	1,009
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tr đ		780	2,644
8	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr đ	3,528	9.000.000	15,000
9	Tỷ lệ chi cổ tức	%	6	6	10

Để biến phương hướng và kế hoạch SXKD của Vietfracht thành hiện thực, Công ty coi năm 2010 là năm bản lề của việc phát huy nội lực, vượt qua thách thức khó khăn để vững bước đi lên, Lãnh đạo Công ty có quyết tâm cao đồng thời yêu cầu tất cả các đơn vị trong Công ty phát huy truyền thống, đồng tâm hiệp lực, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, tổ chức thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao một cách năng động sáng tạo, kịp thời nắm bắt thời cơ khi xuất hiện cơ hội mới phù hợp với Công ty, động viên và khuyến khích người lao động phát huy khả năng cá nhân, tích cực lao động công tác phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch 2010 - đóng góp công sức và trí tuệ xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh./.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành phần Ban kiểm soát

1. Ông Vũ Anh Tú – Trưởng ban kiểm soát Công ty
2. Ông Nguyễn Trọng Hiền - Ủy viên ban kiểm soát Công ty
3. Ông Nguyễn Tuấn Anh – Ủy viên ban kiểm soát Công ty

Đề thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2009. Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm Ông Ngô Xuân Hồng làm Tổng giám đốc điều hành Công ty từ ngày 02/11/2009.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và chi phí quản lý của Công ty năm 2009 trong ngày 02/03/2010 với sự tham dự của đại diện Công ty CP Vận tải và thuê tàu là các ông:

1. Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng giám đốc công ty
2. Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng Công ty

Các tài liệu kiểm tra gồm:

1. Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty năm 2009
2. Báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2009
3. Báo cáo SXKD đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009

Trong năm 2009 Công ty cũng đã đạt kết quả SXKD rất tốt so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	225.979.730.759	192.928.000.000	135,86
2	Lợi nhuận trước thuế	16.712.528.491	4.966.000.000	336,54

Nhìn chung, năm 2009 cùng với đà phục hồi của kinh tế toàn thế giới, Công ty cũng đã phần nào vượt qua được cái khó khăn do cuộc khủng hoảng tài chính đem lại với kết quả kinh doanh trong đời khá quan.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc, cổ đông của Công ty và ý kiến nhận xét của Ban kiểm soát

Báo cáo tài chính đầy đủ, sổ sách ghi chép số liệu đầy đủ theo đúng chế độ kế toán thống kê.

Đảm bảo việc làm cho người lao động, đời sống CBCNV ổn định.

Quản lý, điều hành công ty đúng điều lệ, chính sách pháp luật nhà nước.

Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Về đầu tư sử dụng nguồn vốn của Công ty:

- ◆ Đã hoàn thành việc mở rộng 800 m2 kho và 4,344 m2 bãi tại Đông Hải, Hải Phòng và đã đưa vào sản xuất trong quý 3/2009.
- ◆ Hoàn thành việc bán đấu giá 365.000 cổ phần tại Công ty CP hàng hóa Nội Bài với giá bình quân 53.430 đ/cp thu lợi nhuận lớn cho Công ty.
- ◆ Hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Tân Cảng – Cái Mép và bảo toàn nguyên vẹn 35 tỷ vốn đầu tư ban đầu.
- ◆ Hoàn thành về cơ bản việc thi công kho tại Công ty CP Vietnam Future Logistic. Tiếp tục thi công một số phần việc phụ như điện, nước, khu vệ sinh... Về bãi đã bắt đầu chọn nhà thầu để thi công trong thời gian tới.
- ◆ Đang triển khai ký hợp đồng xây dựng với đơn vị trúng thầu và chuẩn bị khởi công xây dựng nhà văn phòng tại 52 Hòa Mã – Hà Nội.

Ban kiểm soát cũng đã thực hiện việc giám sát các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty. Đã tham dự 03 kỳ họp Hội đồng quản trị với những nội dung đưa ra những chiến lược phát triển Công ty và tìm hướng đầu tư mới.

Ban kiểm soát có ý kiến:

- ◆ Ông Ngô Xuân Hồng đã được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc từ ngày 02/11/2009. Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để thay đổi người đại diện trên giấy tờ đăng ký kinh doanh trong thời gian sớm nhất.
- ◆ Năm 2009 Công ty đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch được thông qua tại Nghị quyết số 01-2009/NQ-HĐQT của Đại hội đồng cổ đông giao. Tuy nhiên phân lợi nhuận vượt mức này phần lớn lại đến từ hoạt động bán bớt cổ phần sở hữu tại Công ty CP hàng hóa Nội Bài (15.461.000.000) và các hoạt động tài chính khác của Công ty.
- ◆ Công ty hiện này đang có 02 khoản vay bằng ngoại tệ (USD) từ Ocean Eleven Shipping (1.410.000 USD) bắt đầu phải trả từ tháng 2/2009 và từ Ngân hàng TMCP Hàng Hải (12.070.000 USD) bắt đầu phải trả từ tháng 4/2008 được dùng để mua tàu VF Glory, do đó cần theo dõi sát tình hình biến động tỷ giá nhằm giảm thiểu rủi ro đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ◆ HĐQT và Ban giám đốc cần đưa ra định hướng chiến lược phát triển Công ty, tăng cường đầu tư và các lĩnh vực mà Công ty có thể mạnh nhằm tận dụng tối đa nguồn lực để vượt qua khủng hoảng, kinh doanh có hiệu quả và đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ- BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: VFR

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Quý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thoại	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Quý	Tổng Giám đốc (Thôi kiêm nhiệm kể từ ngày 02/11/2009)
Ông Ngô Xuân Hồng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2009)
Ông Nguyễn Quang Thoại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giang Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Ông Ngô Xuân Hồng được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc từ ngày 01/11/2009, tuy nhiên người đại diện theo pháp luật của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vẫn là Ông Trần Văn Quý với chức danh Tổng Giám đốc. Công ty sẽ đăng ký lại người đại diện theo pháp luật là Ông Ngô Xuân Hồng trong quý I của năm 2010 sau kỳ họp Đại hội cổ đông. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được ký bởi Ông Ngô Xuân Hồng theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Văn Quý.

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán quốc tế Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán; Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các
- Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

(Đã ký)

Ngô Xuân Hồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010

Số: 133/2010/TCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN
về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (“Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Chúng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2010

(Đã ký)

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên

Chúng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117.829.347.155	128.041.279.499
(100 = 110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	78.953.314.610	86.365.776.376
1. Tiền	111		41.167.714.610	51.447.864.673
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.785.600.000	34.917.911.703
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.887.241.236	35.389.084.062
1. Phải thu khách hàng	131		12.625.593.915	15.873.543.746
2. Trả trước cho người bán	132		8.007.435.810	6.629.217.539
3. Các khoản phải thu khác	135	5.2	10.468.661.511	13.100.772.777
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(214.450.000)	(214.450.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.988.791.309	5.286.419.061
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.926.854.609	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.3	2.541.751.527	1.326.015.126
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.3	-	82.532.107
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.520.185.173	3.877.871.828
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		343.824.125.323	402.360.151.283
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		310.950.559.823	332.803.447.895
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	281.102.102.334	312.058.067.073
<i>Nguyên giá</i>	222		397.863.677.254	403.721.845.811
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(116.761.574.920)	(91.663.778.738)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		20.684.697.914	18.788.688.000
<i>Nguyên giá</i>	228		20.684.697.914	18.788.688.000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	9.163.759.575	1.956.692.822
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		32.442.960.109	68.584.085.109
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.7	6.257.818.000	6.257.818.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	18.099.772.109	15.680.897.109
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	8.500.000.000	47.060.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(414.630.000)	(414.630.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		430.605.391	972.618.279
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		430.605.391	972.618.279
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)			461.653.472.478	530.401.430.782

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		264.963.233.625	324.693.566.710
(300 = 310+330)				
I. Nợ ngắn hạn	310		121.242.009.055	136.345.677.720
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		42.139.820.800	36.586.283.850
2. Phải trả người bán	312		24.780.365.086	33.324.089.428
3. Người mua trả tiền trước	313		2.541.906.237	3.914.522.912
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	7.790.102.603	6.925.775.014
5. Phải trả người lao động	315		13.211.862.331	11.573.863.110
6. Chi phí phải trả	316		154.928.611	2.807.865.257
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	30.623.023.387	41.213.278.149
II. Nợ dài hạn	330		143.721.224.570	188.347.888.990
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	15.295.895.350
2. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	143.721.224.570	173.051.993.640
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		196.690.238.853	205.707.864.072
(400 = 410+430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410		195.734.021.853	197.091.082.362
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.13	1.561.309.527	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(194.705.795)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.13	19.032.844.651	12.332.995.177
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.13	11.052.186.001	3.531.896.642
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.13	14.282.387.469	31.226.190.543
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		956.217.000	8.616.781.710
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	5.13	956.217.000	8.616.781.710
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		461.653.472.478	530.401.430.782

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	TM	31/12/2010	01/01/2009
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
<i>USD</i>		3.345.407,46	1.955.090,71
<i>EURO</i>		154,44	56.151,92

(Đã ký)

(Đã ký)

Ngô Xuân Hồng

Nguyễn Thanh Thủy

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		225.979.730.759	224.117.100.332
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	225.979.730.759	224.117.100.332
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	219.581.298.168	187.720.147.639
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.398.432.591	36.396.952.693
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	30.737.546.415	26.973.827.869
7. Chi phí tài chính	22	5.16	14.865.369.809	21.448.216.829
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.438.812.403</i>	<i>9.489.382.250</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	7.436.688.159	9.654.908.787
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		14.833.921.038	32.267.654.946
11. Thu nhập khác	31		5.395.598.677	487.157.988
12. Chi phí khác	32		3.516.991.224	774.391
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.878.607.453	486.383.597
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.712.528.491	32.754.038.543
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.18	2.430.141.022	1.527.848.000
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		14.282.387.469	31.226.190.543
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	952	2.082

(Đã ký)

(Đã ký)

Ngô Xuân Hồng

Nguyễn Thanh Thủy

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2009	Năm 2008
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.712.528.49	32.754.038.543
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	25.097.796.18	27.032.397.478
- Các khoản dự phòng	03	-	199.763.372
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.722.382.28	10.077.568.787
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30.436.151.927)	(24.884.150.451)
- Chi phí lãi vay	06	5.438.812.40	9.489.382.250
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ	08	24.535.367.42	54.668.999.979
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	3.631.979.75	4.385.099.640
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(33.215.072.467)	(17.901.570.812)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(1.384.841.721)	(131.546.710)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.438.812.403)	(8.707.590.788)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(685.674.077)	(1.674.272.616)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.891.124.603)	(2.489.353.044)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(16.448.178.089)	28.149.765.649
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.244.908.110)	(241.058.155.250)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn	24	1.000.000.00	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.418.875.000)	(43.052.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	54.021.000.00	3.052.500.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.975.151.92	20.975.046.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	64.332.368.81	(260.082.608.946)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	205.602.139.490
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.763.857.600)	(18.684.602.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.479.800.000)	(11.020.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(57.243.657.600)	175.897.337.490
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(9.359.466.872)	(56.035.505.807)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	86.365.776.37	140.340.307.454
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy	61	1.947.005.106	2.060.974.729
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	78.953.314.610	86.365.776.376

(Đã ký)

(Đã ký)

Ngô Xuân Hồng

Nguyễn Thanh Thủy

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Tên giao dịch: TRANSPORT AND CHARTERING CORPORATION
Tên viết tắt: VIETFRACHT

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0003013932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/10/2006 là 150.000.000.000 đồng, được chia thành 15.000.000 cổ phần, mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông sáng lập bao gồm:

<u>Stt</u>	<u>Tên cổ đông</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Số cổ phần</u>
1.	Vốn Nhà nước	51%	7.653.200
2.	Cổ đông khác	49%	7.346.800

Các Chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hồ Chí Minh Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hải Phòng Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Quảng Ninh Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Vinh Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Cần Thơ

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng (Vietfracht Danang)
Công ty Liên doanh Dimerco - Vietfracht
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin Việt Nam

Các Công ty liên kết, liên doanh

Công ty Cổ phần Logistics Tương lai Việt Nam
Công ty Cổ phần Tân Cảng - VF
Công ty Liên doanh Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN
Công ty Cổ phần Unithai Logistics VN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Vận tải hàng hoá bằng đường biển;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, Container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo uỷ thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hoá phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hoá;
- Đại lý vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5 kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không trong và ngoài nước;
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc và nhà ở;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra

các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn được hạch toán vào kết quả kinh doanh. Trong trường hợp, hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản nợ dài hạn vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh bị lỗ thì có thể phân bổ một phần lỗ chênh lệch tỷ giá cho năm sau để không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm tiếp theo.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 3 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước và giá trị công cụ, dụng cụ chưa phân bổ.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm 4 phần H Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007. Năm tài chính 2009 là năm thứ ba Công ty được hưởng mức ưu đãi về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do chuyển từ Công ty 100% vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần: Miễn thuế 02 năm và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	856.286.201	1.649.727.104
Tiền gửi Ngân hàng	40.311.428.409	49.798.137.569
Các khoản tương đương tiền	37.785.600.000	34.917.911.703
Tổng	78.953.314.610	86.365.776.376

Các khoản tương đương tiền là số dư các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, có thời gian đáo hạn trước ngày 31/3/2010.

5.2 PHẢI THU KHÁC	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	373.728.300	373.728.300
Phải thu người lao động	-	168.336.475
Phải thu khác	10.094.933.211	12.558.708.002
<i>Nợ vay Bộ Giao thông Vận tải</i>	<i>400.000.000</i>	<i>400.000.000</i>
<i>Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm</i>	<i>5.229.333.970</i>	<i>6.580.115.811</i>
<i>Tiền bán cổ phần tại công ty con</i>	<i>1.267.500.000</i>	<i>1.267.500.000</i>
<i>Tiền ứng cho các thuyền viên</i>	<i>416.266.336</i>	<i>2.061.340.153</i>
<i>Phải thu về liên kết 3 bên thành lập công ty TNHH</i>	<i>1.412.392.589</i>	<i>1.380.244.628</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.369.440.316</i>	<i>869.507.410</i>
Tổng	10.468.661.511	13.100.772.777

5.3 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	2.541.751.527	1.326.015.126
Thuế GTGT nộp thừa	-	61.334.754
Các khoản khác phải thu nhà nước	-	21.197.353
Tổng	2.541.751.527	1.408.547.233

5.4 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	3.317.649.049	3.677.335.704
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	202.536.124	200.536.124
Tổng	3.520.185.173	3.877.871.828

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09- DN

5.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm 2009	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Thiết bị, quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND Tổng
<u>Nguyên giá</u>						
Tại ngày 01/01	42.540.834.001	1.315.760.655	357.569.101.400	2.193.292.612	102.857.143	403.721.845.811
Tăng trong năm	-	(66.156.043)	274.428.571	289.837.527	-	498.110.055
Mua trong năm	-	-	274.428.571	223.681.484	-	498.110.055
Phân loại lại	-	(66.156.043)	-	66.156.043	-	-
Giảm trong năm	205.751.000	-	5.985.635.619	164.891.993	-	6.356.278.612
Thanh lý, nhượng bán	205.751.000	-	5.985.635.619	164.891.993	-	6.356.278.612
Tại ngày 31/12	42.335.083.001	1.249.604.612	351.857.894.352	2.318.238.146	102.857.143	397.863.677.254
<u>Hao mòn lũy kế</u>						
Tại ngày 01/01	7.213.295.097	1.160.019.996	81.887.699.118	1.299.907.384	102.857.143	91.663.778.738
Tăng trong năm	2.139.925.664	(55.849.444)	25.357.981.406	495.025.944	-	27.937.083.570
Trích khấu hao	2.078.050.658	66.551.060	25.420.697.337	371.784.515	-	27.937.083.570
Phân loại lại	61.875.006	(122.400.504)	(62.715.931)	123.241.429	-	-
Giảm trong năm	139.725.745	-	2.534.669.650	164.891.993	-	2.839.287.388
Thanh lý, nhượng bán	139.725.745	-	2.534.669.650	164.891.993	-	2.839.287.388
Tại ngày 31/12	9.213.495.016	1.104.170.552	104.711.010.874	1.630.041.335	102.857.143	116.761.574.920
<u>Giá trị còn lại</u>						
Tại ngày 01/01	35.327.538.904	155.740.659	275.681.402.282	893.385.228	-	312.058.067.073
Tại ngày 31/12	33.121.587.985	145.434.060	247.146.883.478	688.196.811	-	281.102.102.334

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỔ DANG	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kho bãi Hải Phòng	6.874.968.639	1.450.514.186
Kho bãi Quảng Ninh	275.981.909	275.981.909
Nhà 52 Hòa Mã	1.876.445.391	-
Các công trình khác	136.363.636	230.196.727
Tổng	9.163.759.575	1.956.692.822

5.7 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	3.814.000.000	3.814.000.000
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	811.818.000	811.818.000
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu – Hanshin Việt Nam	1.632.000.000	1.632.000.000
Tổng	6.257.818.000	6.257.818.000

Thông tin chi tiết về công ty con của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	5.000.000.000	76,28%	76,28%	Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách, đại lý tàu biển, vận tải đa phương thức, kinh doanh vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, môi giới hàng hải, vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận và thủ tục hải quan, dịch vụ kho bãi
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	1.591.800.000	51,00%	51,00%	
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hanshin Việt Nam	3.200.000.000	51,00%	51,00%	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>		
<i>Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam</i>	9.870.000.000	7.451.125.000
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF</i>	2.626.500.000	2.626.500.000
<i>Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore</i>	3.268.642.109	3.268.642.109
<i>Công ty CP Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres(*)</i>	414.630.000	414.630.000
<i>Công ty TNHH Heung-A Shipping VN (**)</i>	1.440.000.000	1.440.000.000
<i>Công ty CP Unithai Logistics VN (***)</i>	480.000.000	480.000.000
Tổng	18.099.772.109	15.680.897.109

Thông tin chi tiết về công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam	30.000.000.000	47,00%	47,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải
Công ty CP Tân Cảng-VF	7.500.000.000	34,00%	34,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS-Singapore	8.171.605.273	40,00%	40,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres (*)	1.500.000.000	30,00%	30,00%	Dịch vụ cơ khí sửa chữa phương tiện vận tải biển
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN (**)	4.800.000.000	30,00%	30,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP Unithai Logistics VN (***)	2.400.000.000	20,00%	20,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)

- (*) Đến ngày 07/05/2005, Công ty Meres đã có quyết định giải thể, theo Báo cáo của Ban thanh lý, số lỗ lũy kế của Công ty này tại ngày 31/03/2006 là 676.537.582 đồng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư liên kết này với số tiền 414.630.000 đồng.
- (**) Hợp đồng liên doanh 3 bên gồm: Heung-A Shipping Co., Ltd (Hàn Quốc) - tỷ lệ 51%, Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu - tỷ lệ 30%, Công ty TNHH MTV Tiếp vận Hùng Á - tỷ lệ 19%.
- (***) Hợp đồng liên doanh 4 bên gồm: Unithai Energy Co., Ltd (Thái Lan) - tỷ lệ 51%, Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần - tỷ lệ 20%, Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu - tỷ lệ 20%, Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết Doanh nghiệp Việt - tỷ lệ 9%.

5.9 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
<i>Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài</i>	4.000.000.000	7.560.000.000
<i>Công ty CP Tân Cảng - Cái Mép</i>	-	35.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình</i>	4.500.000.000	4.500.000.000
Tổng	8.500.000.000	47.060.000.000

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thành lập ngày 23/07/2008, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 3% trong tổng số 150 tỷ vốn điều lệ của Công ty này.

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	46.480.167	141.955.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.744.466.945	-
Thuế thu nhập cá nhân	708.302.716	683.584.814
Các loại thuế khác	5.290.852.775	6.100.234.890
Tổng	7.790.102.603	6.925.775.014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	783.605.136	97.535.923
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	19.814.062	27.707.134
Phải trả về cổ phần hóa	9.389.618.718	23.290.375.858
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	562.970.250	475.970.250
Doanh thu chưa thực hiện	2.592.408.437	177.578.182
Cổ tức phải trả	-	11.479.800.000
Tạm xác định tăng nguyên giá tài sản	2.647.549.098	-
Chuyển số dư của Mol về Công ty	1.371.639.899	-
Phải trả các hãng tàu	2.509.735.893	3.542.483.670
Phải trả cán bộ công nhân viên công ty nhà nước	7.214.182.290	-
Phải trả khác	3.531.499.604	2.121.827.132
Tổng	30.623.023.387	41.213.278.149

Một số khoản phải trả ngắn hạn tại ngày 01/01/2009 đã được phân loại lại thành phải trả dài hạn khác để phù hợp với tính chất và thời hạn trả.

5.12 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Ocean Eleven Shipping Corporation		23.937.570.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	168.963.090.170	185.700.707.490
Nợ dài hạn	-	-
Tổng vay và nợ dài hạn	185.861.045.370	209.638.277.490
Trừ:		
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Vay dài hạn đến hạn trả	42.139.820.800	36.586.283.850
Số dư vay và nợ dài hạn	143.721.224.570	173.051.993.640

Vay dài hạn của Ocean Eleven Shipping Corporation theo Thỏa thuận ghi nhớ ngày 26/11/2007, số tiền nhận vay là 1.410.000 USD. Khoản vay này không tính lãi và không có điều kiện ràng buộc nào. Gốc vay sẽ được thanh toán hàng tháng từ tháng 2 năm 2009, trả thành 24 kỳ.

Khoản vay theo hợp đồng số 103/MSBHCM-VFR ngày 31/12/2007 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.000 DWT. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay là 8 năm, áp dụng lãi suất Sibor USD 6 tháng + 1,77%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 32 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 4 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/CP)	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Biến động nguồn vốn và các quỹ

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư Của chủ sở hữu	Vốn khác Của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư Phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa	Quỹ khen thưởng phúc
Tại ngày 01/01/08	150.000.000.000	-	992.799.242	686.770.177	40.494.222.183	7.563.384.010
Tăng trong năm	-	-	11.340.195.935	2.845.126.465	31.226.190.543	3.542.750.744
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	31.226.190.543	-
Trích lập các quỹ	-	-	11.340.195.935	2.845.126.465	-	3.542.750.744
Giảm trong năm	-	-	-	-	40.494.222.183	2.489.353.044
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	40.494.222.183	-
Chi quỹ	-	-	-	-	-	2.489.353.044
Tại ngày 31/12/08	150.000.000.000	-	12.332.995.177	3.531.896.642	31.226.190.543	8.616.781.710
Tại ngày 01/01/09	150.000.000.000	-	12.332.995.177	3.531.896.642	31.226.190.543	8.616.781.710
Tăng trong năm	-	1.561.309.527	6.699.849.474	7.520.289.359	14.282.387.469	3.204.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	14.282.387.469	-
Phân phối lợi nhuận	-	1.561.309.527	6.699.849.474	7.520.289.359	-	3.204.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	31.226.190.543	10.864.564.710
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	18.985.448.360	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	12.000.000.000	-
Chi quỹ	-	-	-	-	-	3.650.382.420
Giảm khác	-	-	-	-	240.742.183	7.214.182.290
Tại ngày 31/12/09	150.000.000.000	1.561.309.527	19.032.844.651	11.052.186.001	14.282.387.469	956.217.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 DOANH THU

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	225.979.730.759	224.117.100.332
Tổng	225.979.730.759	224.117.100.332
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	225.979.730.759	224.117.100.332

5.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	219.581.298.168	187.720.147.639
Tổng	219.581.298.168	187.720.147.639

5.16 DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	2.267.687.524	5.912.576.955
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	68.000.000
Lãi chuyển nhượng vốn	15.461.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.707.464.403	18.903.573.496
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	301.394.488	388.010.617
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.701.666.801
Tổng	30.737.546.415	26.973.827.869
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	5.438.812.403	9.489.382.250
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.703.575.126	179.598.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.722.382.280	11.779.235.588
Chi phí tài chính khác	600.000	-
Tổng	14.865.369.809	21.448.216.829
Thu nhập tài chính - thuần	15.872.176.606	5.525.611.040

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.805.800.997	5.164.601.873
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	23.706.887	72.079.064
Chi phí khấu hao TSCĐ	847.363.835	1.005.397.335
Thuế, phí, lệ phí	3.645.500	96.788.600
Chi phí dự phòng	219.868.000	121.949.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.082.681.151	1.825.180.582
Chi phí bằng tiền khác	1.453.621.789	1.368.912.074
Tổng	7.436.688.159	9.654.908.787

5.18 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2009
	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.712.528.491
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i>	(6.991.964.403)
Thu nhập chịu thuế	9.720.564.088
<i>Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi</i>	(12.198.866.726)
<i>Thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi</i>	21.919.430.814
Thuế suất áp dụng	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	2.430.141.022

5.19 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.282.387.469	31.226.190.543
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.282.387.469	31.226.190.543
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	952	2.082

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Các giao dịch bán		
Công ty CP vận tải và thuê tàu Đà Nẵng	107.066.708	94.909.088
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin VN	3.243.724.136	125.258.582
Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam	6.354.143	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	310.905.946	287.645.285
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	226.007.273	14.195.455
Các giao dịch mua		
Công ty CP vận tải và thuê tàu Đà Nẵng	-	400.260
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	1.173.897.773	1.292.830.965
<u>Số dư của các bên có liên quan</u>	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty CP vận tải và thuê tàu Đà Nẵng	-	13.873.510
Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam	-	4.600.588
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	-	124.800.000
Các khoản phải thu		
Công ty CP vận tải và thuê tàu Đà Nẵng	-	69.200.000
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin VN	1.233.868.934	590.728.308
Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam	2.269.950	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	-	4.341.034
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	-	19.550.842
<u>Thu nhập của các thành viên chủ chốt</u>		Năm 2009
		VND
Tiền lương		770.116.444
Các khoản phúc lợi khác		-

6.2 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong báo cáo này.

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán.

(Đã ký)

Ngô Xuân Hồng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN



CÔNG TY MÀ CÔNG TY VIETFRACHT CÓ TRÊN 50 % VỐN GÓP

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng

Thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 3203000152 ngày 29/9/2003 của Sở KHĐT Tp Đà Nẵng.

Trụ sở chính: 113 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Vốn Điều lệ: 5.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 3.814.000.000 đồng, chiếm 76,28% vốn ĐL

Ngành kinh doanh: Vận tải đường biển, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, Giao nhận vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi.

Chỉ tiêu	2009 (triệu đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng của 2009 so với 2008
Doanh thu	19.963	7.7 %
Lợi nhuận trước thuế	1.111	17.5 %
Lợi nhuận sau thuế	908,8	9.3 %

Công ty TNHH Dimerco Vietfracht

Thành lập theo Giấy phép đầu tư số 995/GP-HCM ngày 09/12/2005 của Chủ tịch UBND TPHCM.

Trụ sở chính: Cao ốc Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, TPHCM

Tổng vốn đầu tư: 300.000 USD (4.785 triệu VNĐ);

Vốn điều lệ: 100.000 USD (1.590 triệu VNĐ), trong đó Vietfracht góp 51.000 USD (811 triệu VNĐ), chiếm 51% vốn điều lệ;

Ngành kinh doanh chính: Giao nhận hàng hoá; Vận chuyển, lưu kho, phân phối hàng hóa; các vấn đề về bảo hiểm, tài chính và hải quan; Đại lý vận tải đường biển; môi giới vận tải; Môi giới hàng hải và các d/vụ khác.

Chỉ tiêu	2008 (triệu đồng)	2009 (triệu đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng của 2009 so với 2008
Doanh thu	51.924	73.682	4.2%
Lợi nhuận trước thuế	2.750	2.946	7.1 %
Lợi nhuận sau thuế	2.750	2.697	-1.9 %

Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hanshin Việt nam

Thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000153 ngày 07/7/2008 của UBND Tp Hà Nội.

Trụ sở chính: 52 Hoà Mã, Tp Hà Nội

Tổng vốn đầu tư: 16.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ: 3.200.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 1.632.000.000 VNĐ, chiếm 51% vốn điều lệ;

Mục tiêu hoạt động: Dịch vụ đại lý vận tải hàng hoá bằng đường biển, đường bộ, đường không, đường sắt và đường thuỷ nội địa. Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan. Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hoá.

Ngày 01/10/2008 Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hanshin Việt Nam đã làm lễ khai trương tại Tp Hà Nội, để bắt đầu đi vào hoạt động.

(đến nay chưa có báo cáo về kết quả tài chính năm 2008).

Chỉ tiêu	2008 (triệu đồng)	2009 (triệu đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng của 2009 so với 2008
Doanh thu	6.714	39.126	477 %
Lợi nhuận trước thuế	- 236	3.552	Lãi
Lợi nhuận sau thuế	-236	2.971	Lãi

CÔNG TY CÓ TRÊN 50% VỐN GÓP TẠI CÔNG TY VIETFRACHT

Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC): giữ 51% vốn

<http://www.scic.vn>

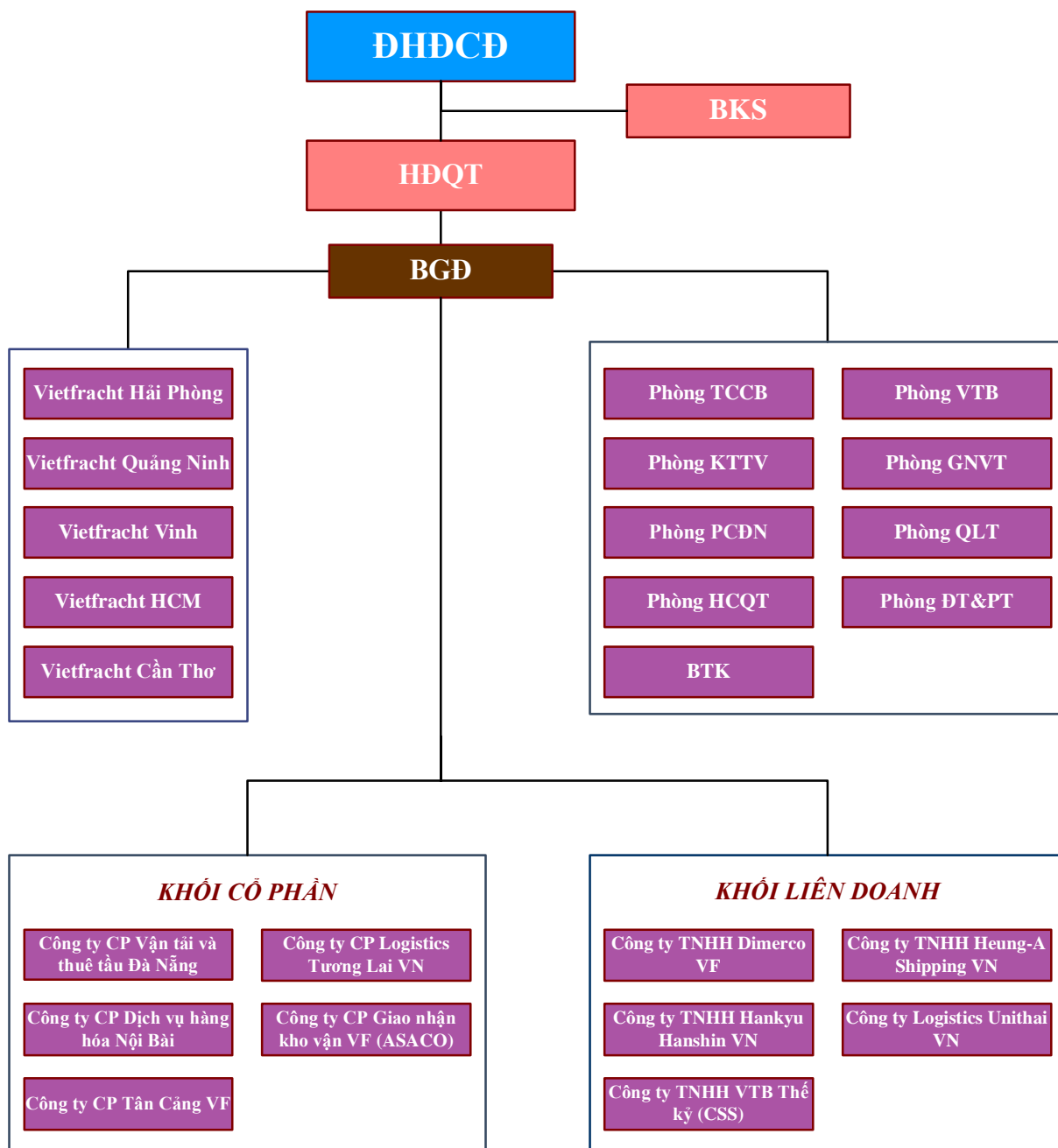
CÔNG TY MÀ VIETFRACHT CÓ THAM GIA GÓP VỐN DƯỚI 50%

Công ty Vietfracht còn tham gia góp vốn liên doanh liên kết hoặc đầu tư dài hạn vào 8 doanh nghiệp khác với tổng số vốn góp là 34.02 tỷ đồng. Danh sách các doanh nghiệp đó như sau:

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht	Tỷ lệ góp vốn
Các Công ty liên kết					
1	Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam	Hưng Yên	22/02/2006	14,1 tỷ đ.	47 %
2	Công ty TNHH Vận tải biển thế kỷ (Vốn góp bằng USD quy đổi theo tỷ giá hiện thời)	Singapore	30/9/1992	3,95 tỷ đ	40 %
3	Công ty CP Tân Cảng - V.F	Hồ Chí Minh	24/12/2003	2,55 tỷ đ.	34 %
4	Công ty TNHH Heung-A Shipping Việt Nam	Hồ Chí Minh	24/12/2007	1,44 tỷ đ.	30 %
5	Công ty CP Unithai logistics Việt Nam	Hồ Chí Minh	29/2/2008	480 triệu đ.	20 %
Đầu tư dài hạn					
6	Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Hà Nội	10/8/2004	4,00 tỷ đ.	4,17 %
8	Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình	Đồng Nai	22/7/2008	7,5 tỷ đ.	5 %
Tổng số:				34.02 tỷ đ.	

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY 2010



CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Trần Văn Quý

Sinh ngày 03/12/1954, Kỹ sư kinh tế Vận tải biển, từ năm 1985 Ông là Thuyền trưởng các tàu của Vietfracht, từ năm 1993 đến năm 1996 ông đảm nhận các chức vụ Phó phòng nghiệp vụ, Trưởng phòng nghiệp vụ, Phó Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 1998 Ông giữ chức vụ Giám đốc xí nghiệp APL (ASACO), từ năm 2000 đến năm 2003 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh APL Việt Nam và Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 2004 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2006 Ông giữ chức Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2009 Ông thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty và hiện nay Ông đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP nắm giữ: **2.528.056** Số CP sở hữu cá nhân: **30.700** Số CP nắm giữ: **2.558.756**



2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Quang Thoại

Sinh ngày 20/08/1951, cử nhân kinh tế Hàng hải, năm 1978 Ông làm cán bộ phiên dịch tại Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Ba Lan, năm 1983 đến năm 1986 Ông đảm nhiệm các chức vụ Phó trưởng phòng Công ty và công tác tại đoàn đại diện các Công ty XNK đại diện của Hàng hải Việt Nam tại Singapore, từ năm 1990 đến năm 1997 Ông đảm nhiệm các chức vụ Trưởng phòng Công ty, Phó chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh CSS, Trưởng phòng kế hoạch Tổng Công ty dịch vụ Hàng hải, Trưởng phòng công ty Vận tải và thuê tàu, từ năm 2003 đến năm 2004 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty, Chủ tịch HĐQT Vận tải và thuê tàu, từ năm 2006 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP nắm giữ: **2.607.988** Số CP sở hữu cá nhân: **5.900** Số CP nắm giữ: **2.613.888**



3. Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Ngô Xuân Hồng

Sinh ngày 08/01/1969, cử nhân kinh tế, từ năm 1995 đến năm 2001 Ông giữ các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ, Phó kế toán trưởng và Kế toán trưởng Công ty, từ năm 2004 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT, Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu, năm 2008 Ông giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty, từ tháng 11 năm 2009 Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP nắm giữ: **2.530.456** Số CP sở hữu cá nhân: **4.900** Số CP nắm giữ: **2.525.556**



4. Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Đăng Nghiêm

Sinh ngày 21/08/1954, cử nhân kinh tế, 31 năm công tác trong đó 15 năm đảm nhận các chức vụ Trưởng phó phòng khai thác, Phó và Tổng giám đốc Trung tâm điều độ, Phó giám đốc, Giám đốc Công ty Tân cảng Sài Gòn – thuộc Bộ tư lệnh Hải quân Bộ Quốc phòng. Hiện Ông đang giữ chức vụ Giám đốc Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Số CP nắm giữ: **1.000.000** Số CP sở hữu cá nhân: **0** Số CP nắm giữ: **1.000.000**



5. Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Lê Đình Ngọc

Sinh ngày 22/10/1976, thạc sĩ kinh tế, năm 1998 Ông giữ chức vụ Chuyên viên phòng Quản lý dự án Ngân hàng TMCP Quân đội, năm 2000 Ông Phụ trách lưu ký, phụ trách kinh doanh Công ty chứng khoán Thăng Long, năm 2004 Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty chứng khoán Thăng Long, năm 2006 đến nay Ông giữ chức vụ Giám đốc Công ty Chứng khoán Thăng Long.

Số CP nắm giữ: **750.000** Số CP sở hữu cá nhân: **0** Số CP nắm giữ: **750.000**

CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN KIỂM SOÁT



1. Trưởng ban kiểm soát - Ông Vũ Anh Tú

Sinh ngày 29/09/1957, cử nhân kinh tế, hiện Ông là Giám đốc chi nhánh Vietfracht Hải Phòng – chi nhánh của Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht)



2. Ủy viên ban kiểm soát – Ông Nguyễn Trọng Hiền

Sinh ngày 10/09/1976, Thạc sỹ quản trị kinh doanh – Học viện QTKD Vương Quốc Bỉ, hiện Ông đang là Chuyên viên Ban Đầu tư 2 Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)



3. Ủy viên ban kiểm soát - Ông Nguyễn Tuấn Anh

Sinh ngày 22/10/1981, cử nhân kinh tế, hiện Ông đang là Ủy viên ban kiểm soát Công ty CP Vận tải và Thuê tàu.





CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Ngô Xuân Hồng - Tổng Giám Đốc

Thời gian công tác	Chức vụ và địa vị công tác
Từ tháng 12/1995	Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ
Từ tháng 12/1997	Phó Kế toán trưởng Công ty
Từ tháng 04/2001	Kế toán trưởng Công ty
Từ tháng 04/2004	Ủy viên HĐQT
Từ tháng 10/2006	Ủy viên HĐQT / Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu
Từ tháng 10/2008	Phó Tổng Giám Đốc
Từ tháng 11/2009	Được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc
Số CP Đại diện phần vốn NN	2.530.456
Số CP Sở hữu cá nhân	4.900
Số CP nắm giữ	2.525.556

Ông Nguyễn Quang Thoại – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD

Thời gian công tác	Chức vụ và địa vị công tác
Từ tháng 12/1978	Cán bộ phiên dịch tại Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Ba Lan
Từ tháng 05/1983	Phó Trưởng Phòng Công ty
Từ tháng 09/1986	Công tác tại đoàn đại diện các T Cty XNK, đại diện Hàng hải VN tại Singapore
Từ tháng 03/1990	Trưởng phòng Công ty, Phó chủ tịch HĐQT Công ty LD CSS
Từ tháng 04/1996	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng Công ty Dịch vụ Hàng hải
Từ tháng 06/1997	Trưởng phòng Công ty Vận tải và Thuê tàu
Từ tháng 12/2003	Phó TGD Công ty Vận tải và Thuê tàu
Từ tháng 02/2004	Chủ tịch HĐQT Công ty mẹ - Công ty Vận tải và Thuê tàu
Từ tháng 10/2006	Phó chủ tịch HĐQT, Phó TGD Công ty CP Vận tải và Thuê tàu
Số CP Đại diện phần vốn NN	2.607.988
Số CP Sở hữu cá nhân	5.900
Số CP nắm giữ	2.613.888

CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Nguyễn Giang Tiến: Phó Tổng Giám Đốc

Thời gian công tác	Chức vụ và địa vị công tác
Từ 1971	Cán bộ kỹ thuật Nhà máy Trần Hưng Đạo
Từ tháng 06/1972	Bộ đội pháo phòng không thuộc Quân khu Thủ đô
Từ tháng 01/1974	Cán bộ điều độ kế hoạch Nhà máy Trần Hưng Đạo
Từ tháng 05/1975	Bộ đội Đoàn 6 Phòng không thuộc Bộ Tư lệnh duyệt binh
Từ 1976	Cán bộ điều độ kế hoạch Nhà máy Trần Hưng Đạo
Từ tháng 08/1978	Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng Công ty Vận tải và Thuê tàu
Từ tháng 12/2003	Phó Tổng Giám Đốc Công ty Vận tải và Thuê tàu
Từ tháng 05/2004	Ủy viên HĐQT / Phó Tổng Giám Đốc Công ty Vận tải và Thuê tàu
Từ tháng 10/2006	Phó Tổng Giám Đốc Công ty
Số CP Đại diện phần vốn NN	0
Số CP Sở hữu cá nhân	3.300
Số CP nắm giữ	3.300

Ông Nguyễn Thanh Thủy - Kế toán trưởng


Thời gian công tác	Chức vụ và địa vị công tác
Từ tháng 03/1975	Bộ đội trong Quân đội NDVN
Từ tháng 11/1981	Chuyển ngành về học và làm giáo viên Trường Ngân hàng HN
Từ tháng 07/1989	Cán bộ phòng KTTV Công ty Vận tải và Thuê tàu
Từ tháng 08/1998	Phó phòng Kiểm toán / Kế toán tài vụ Cty Vận tải và Thuê tàu
Từ tháng 09/2002	Phó Kế toán trưởng Công ty Vận tải và Thuê tàu
Từ tháng 01/2006	Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Công ty CP Vận tải và Thuê tàu
Từ tháng 11/2008	Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu
Số CP Đại diện phần vốn NN	0
Số CP Sở hữu cá nhân	3.000
Số CP nắm giữ	3.000

QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng theo kết quả kinh doanh của Công ty và được phân phối theo Quy chế trả lương như sau:

 Hệ số lương: theo qui định của NĐ 205/2004/CP ngày 14/12/2006

- ◆ Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: bậc 1/2 - hệ số 6,97
- ◆ Ông Nguyễn Quang Thoại – Phó Tổng giám đốc: bậc 2/2 - hệ số 6,31
- ◆ Ông Nguyễn Giang Tiến – Phó Tổng giám đốc: bậc 2/2 - hệ số 6,31
- ◆ Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng giám đốc: bậc 1/2 - hệ số 6,64

 Lương chức danh công việc theo qui định của Công ty ban hành kèm theo QĐ số 09/VF-TCCB ngày 24/5/2007:

- ◆ Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: bậc 1/2 - hệ số 13,00
- ◆ Ông Nguyễn Quang Thoại – Phó Tổng giám đốc: bậc 1/2 - hệ số 10,00
- ◆ Ông Nguyễn Giang Tiến – Phó Tổng giám đốc: bậc 1/2 - hệ số 10,00
- ◆ Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng giám đốc: bậc 2/2 - hệ số 12,00

 Các quyền lợi khác: Theo Điều lệ và quy chế hiện hành của Công ty



CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trên Đại học	07	1
Đại học	323	65
Khác	165	34
Tổng	495	100

◆ Chính sách đào tạo:

Chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo bồi dưỡng cập nhật thường xuyên để đáp ứng kịp thời theo yêu cầu, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với cán bộ, nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty theo hướng sau:

Đối với lao động trực tiếp: Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về nghề nghiệp chuyên môn. Công ty có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của lao động hiện có. Người lao động luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học tập cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước

◆ Chính sách lương thưởng:

Công ty xây dựng Quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tổng quỹ lương hàng năm được xác định trên cơ sở của đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua các chỉ tiêu năm kế hoạch SXKD và tổng lợi nhuận chưa có chi phí tiền lương của Công ty. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối theo lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ theo Quy chế trả lương của Công ty. Chính sách lương này phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Lương hàng tháng luôn được trả đủ, đúng thời gian. Hàng năm Công ty có xét nâng bậc lương, chuyên ngạch lương cho người lao động đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước và Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

Công ty cũng đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

Các hình thức thích hợp cho tập thể và cá nhân như: Khen thưởng đạt các tiêu chuẩn danh hiệu thi đua theo định kỳ; khen thưởng từng đợt phát động thi đua theo chuyên đề hoặc kỷ niệm vào các ngày lễ tết, thành lập đơn vị... đặc biệt Công ty quan tâm động viên kịp thời đối với hình thức khen thưởng đột xuất có thành tích xuất sắc đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh.

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC

STT	Họ tên	Số lượng CK sở hữu ban đầu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn góp
1	Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	7.653.200		Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	51%

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN SÁNG LẬP

STT	Họ tên	Năm sinh	Số lượng CK sở hữu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh
I Tổ chức					
1	Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước		7.653.200		Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
2	Công ty Tân Cảng		1.000.000		Khai thác cảng container và các dịch vụ hàng hải
3	Ngân hàng TMCP Quân Đội		750.000		Kinh doanh tài chính
II Cá nhân					
1	Trần Văn Quý	03/12/1954	30.700	86H Võ Thị Sáu, Q. 1, TP. HCM	
2	Nguyễn Quang Thoại	2008/1951	5.900	55 Ngõ 564 Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội	
3	Ngô Xuân Hồng	08/01/1969	4.900	5/26 Ngõ 678, La Thành, Hà Nội	
4	Nguyễn Toan	28/12/1947	3.300	Số 10/A7 Đàm Trà, Hà Nội	
5	Nguyễn Giang Tiến	17/03/1951	3.300	Nhà số 5/24 Nguyễn Phúc Lai, Phường Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội	
6	Vũ Anh Tú	29/09/1957	2.500	6/149 Hai Bà Trưng, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	
7	Nguyễn Tuấn Anh	22/10/1981	10.100	220 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	
8	Nguyễn Trọng Hiền	10/09/1976	10.100	15A Trần Khánh Dư, HN	

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU – VIETFRACHT

Trụ sở chính: 74 Nguyễn Du, Hà Nội
Điện thoại: 04.38228915
Fax: 04.39423679
Website: www.vietfracht.com.vn

CHI NHÁNH VIETFRACHT HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 35 Minh Khai, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3745529
Fax: 031.3842276

CHI NHÁNH VIETFRACHT TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 2, 3, 11 Nguyễn Công Trứ,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08.38215809
Fax: 08.38216682
Website: www.vietfracht-hcm.com

CHI NHÁNH VIETFRACHT QUẢNG NINH

Địa chỉ: 51 Lê Thánh Tông, Hạ Long, QN
Điện thoại: 033.3826697
Fax: 033.3825659

CHI NHÁNH VIETFRACHT VINH

Địa chỉ: 10 phố Trường Thi, TP. Vinh, Nghệ An
Điện thoại: 038.3883366
Fax: 038.3833778

VIETFRACHT QUY NHƠN

Địa chỉ: 88 Mai Xuân Thưởng, TP. Quy Nhơn
Điện thoại: 056.3814589
Fax: 056.3822687

VIETFRACHT CẦN THƠ

Địa chỉ: 95C Đường Mậu Thân,
Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 071.3811793/3813646
Fax: 071.3821342 / 3813647

VIETFRACHT ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 113 Hoàng Văn Thụ, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3823538
Fax: 0511.3897406
Website: www.vfv.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS TƯƠNG LAI VIỆT NAM

Address: Km 13, Quốc lộ 5A Xã Vinh Khúc,
Huyện Văn Giang, Hưng Yên
Điện thoại: 04.38228915 / máy lẻ 210
Fax: 04.38263978

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BIỂN THẾ KỶ

Địa chỉ: 456 Alexandra Road #06-00 NOL
Building Singapore 119962,
Republic of Singapore.
Điện thoại: 0065.62789000
Fax: 0065.62784900

CÔNG TY TNHH DIMERCO - VIETFRACHT

Địa chỉ: 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24,
Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39106028
Fax: 08.39106027

CÔNG TY TNHH HEUNG-A SHIPPING VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 2, 11 Nguyễn Công Trứ,
Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 08.38210806
Fax: 08.38211050
Website: www.heung-a.co.kr

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI QUỐC TẾ HANKYU-HANSHIN VIỆT NAM

Địa chỉ: 52 Hoà Mã, Phường Ngô Thì Nhậm,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04.39420231
Fax: 04.39424909

CÔNG TY CỔ PHẦN UNITHAI LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: 22 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6,
Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39146849
Fax: 08.39146849

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG V.F

Địa chỉ: 22 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6,
Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.38291331
Fax: 08.38279124
Website: www.vietfrachtlog.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Huyện Long Bình, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 061.2608107
Fax: 08.35129471
Website: www.saiгонnewport.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI

Address: Sân bay quốc tế Nội Bài,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Điện thoại: 04.35840905
Fax: 04.35840906
Website: www.noibaicargo.com.vn